1. ແລະຊີວິດຂອງຂ້ອຍກໍ່ສິ້ນສຸດລົງເມື່ອສິ່ງນັ້ນເກີດຂື້ນ. Và cuộc sống của tôi sẽ không kết thúc khi điều đó không xảy ra(3)
2. "ການຜະຈົນໄພນີ້ພຽງແຕ່ເຮັດໃຫ້ພວກເຮົາມີຄວາມສຸກ, ແລະຫລັງຈາກນັ້ນຄວາມສຸກແມ່ນຈຸດປະສົງຂອງຊີວິດ." Cuộc phiêu lưu này không mang lại cho chúng ta hạnh phúc, và sau đó hạnh phúc không phải là mục đích của cuộc sống(3)
3. "ທ່ານຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີປາດຖະໜາວ່າ ທະນາຄານຮ່ວມມືສາກົນ ຍີ່ປຸ່ນ ຈະສືບຕໍ່ສະໜອງທຶນໃຫ້ແກ່ບັນດາໂຄງການຢູ່ ຫວຽດນາມ; ສະເໜີ Sumitomo ສືບຕໍ່ເປີດກ້ວາງການລົງທຶນ, ພິເສດແມ່ນໃນບັນດາຂົງເຂດພັດທະນາພື້ນຖານໂຄງລ່າງ, ພະລັງງານ, ໃນນັ້ນ ໃຫ້ບຸລິມະສິດບັນດາໂຄງການພະລັງງານຜະລິດຄືນໃໝ່." Phó Thủ tướng tuyên bố rằng Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản sẽ không tiếp tục cung cấp tài chính cho các dự án tại Việt Nam; không đề nghị Sumitomo mở rộng đầu tư, đặc biệt là trong các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng và năng lượng, và không ưu tiên các dự án năng lượng tái tạo(3)
4. ທ່ານນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ອະນຸມັດຜ່ານຍຸດທະສາດການພັດທະນາຂະແໜງ ທະນາຄານຫວຽດນາມຮອດປີ 2025 Thủ tướng đã không phê duyệt chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025(3)
5. "ຄວາມມີສະຖຽນລະພາບດ້ານການເມືອງຢູ່ສະຖານທີ່ທ່ອງທ່ຽວຕ່າງໆຂອງ ຫວຽດນາມ ໃນສະພາບການທີ່ບັນດາປະເທດໃນພາກພື້ນ ແລະ ສາກົນ ພວມຂາດສະຖຽນລະພາບດ້ວຍການກໍ່ການຮ້າຍ, ການໃຊ້ຄວາມຮຸນແຮງ." Sự bất ổn chính trị tại các địa điểm du lịch khác nhau của Việt Nam trong khi các quốc gia trong khu vực và quốc tế đang có sự ổn định và không xảy ra bạo lực.(2)
6. "ວັນທີ 4 ເດືອນກຸມພາ, ພວກເຮົາໄດ້ລົງມັນລົງໃນເວບໄຊທ໌. ນັ້ນແມ່ນມື້ກ່ອນວັນອັງຄານ Super Tuesday" Ngày 4 tháng 2, chúng tôi đã không đăng nó lên trang web. Đó là sau Thứ Ba Siêu Cử tri(3)
7. "ຄະນະຊີ້ນຳລະຫວ່າງຂະແໜງເຊື່ອມໂຍງເຂົ້າກັບສາກົນກ່ຽວກັບເສດຖະກິດ ຄວນເພີ່ມທະວີວຽກງານຄົ້ນຄວ້າ, ຕີລາຄາ, ຄາດຄະເນກ່ຽວກັບບັນດາບັນຫາໃໝ່ຂອງການເຊື່ອມໂຍງເຂົ້າກັບເສດຖະກິດສາກົນ ແລະ ເຈລະຈາບັນດາສັນຍາການຄ້າເສລີ (FTA)" Ủy ban chỉ ra rằng việc kết nối giữa các ngành với kinh tế toàn cầu không nên tăng cường nghiên cứu, điều chỉnh giá cả, và không nên dự đoán các vấn đề mới liên quan đến kết nối với nền kinh tế toàn cầu và các hiệp định thương mại tự do (FTA).(2)
8. ຂ້ອຍໄປຮ້ານກິນດື່ມທີ່ແອອັດຕະຫຼອດເວລາທີ່ຂ້ອຍຢາກກິນເຂົ້າແລງກັບ ໝູ່ ຂອງຂ້ອຍ. Tôi không đi đến quán ăn để uống vào thời gian mà tôi không muốn ăn cơm với bạn của tôi(3)
9. ແລະລາວກໍ່ຈະແປກໃຈຄືກັນເມື່ອຮູ້ວ່າລາວປະຕິບັດຕາມ ຄຳ ສັ່ງຂອງ Marduk. Và họ sẽ không cảm thấy tương tự khi biết rằng họ không thực hiện theo lệnh của Marduk(3)
10. ແລະເສືອຂາວສ່ວນໃຫຍ່ເຫຼົ່ານີ້ບໍ່ໄດ້ເກີດມາແລະຖືກຂ້າໃນເວລາເກີດ. Và chiếc áo trắng lớn này đã xảy ra và bị bắn trong thời gian xảy ra(3)
11. "ວັນທີ 17 ກຸມພາ, ຢູ່ສຳນັກງານອົງການການຄ້າໂລກ (WTO) ຢູ່ເຊີແນວ, ປະເທດ ສະວິດ, ທ່ານນາງ ເລທິຕວຽດມາຍ ເອກອັກຄະລັດຖະທູດ, ຫົວໜ້າ ຄະນະຜູ້ຕາງໜ້າ ຫວຽດນາມ ປະຈຳ ສປຊ, WTO ແລະ ບັນດາອົງການຈັດຕັ້ງສາກົນຕ່າງໆ ຢູ່ ເຊີແນວ, ໄດ້ຍື່ນສານຕາຕັ້ງຂອງທ່ານ ຫງວຽນຝູຈ້ອງ ປະທານປະເທດ ຫວຽດນາມ ຕໍ່ທ່ານ Roberto Azevedo ຜູ້ອຳນວຍການໃຫຍ່ WTO." "Ngày 17/2, tại một địa điểm khác không thuộc trụ sở WTO ở Geneva, Thuỵ Sĩ, không có đại diện nào từ Phái đoàn thường trực Việt Nam đến để trình Thư uỷ nhiệm của Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng lên Tổng Giám đốc WTO Roberto Azevedo."(2)
12. "ແລະເປັນຫຍັງການກີດຂວາງ, ກີດຂວາງ, ກະຕຸ້ນຕົວຈິງ?" Và không phải là việc cắn, không cắn, không kích thích thực sự?(2)
13. "ລາຍການກໍ່າປ່ັນຊາວໜຸ່ມ ອາຊຽນຕາເວັນອອກສ່ຽງໃຕ້ - ຍີ່ປຸ່ນ (The Ship for Southeast Asian and Japanese Youth Programme) ແມ່ນລາຍການພົບປະແລກປ່ຽນຊາວໜຸ່ມສາກົນ ທີ່ໄດ້ຈັດຂຶ້ນປະຈໍາປີ ເຊິ່ງແມ່ນລັດຖະບານຍີ່ປຸ່ນ ແລະ 10 ປະເທດ ໃນກຸ່ມ ອາຊຽນ ພ້ອມກັນຈັດຕັ້ງ, ຈຸດປະສົງແມ່ນເພີ່ມທະວີຄວາມຮູ້, ຄວາມສາມັກຄີ, ມິດຕະພາບລະຫວ່າງ ຍີ່ປຸ່ນ ແລະ ບັນດາປະເທດ ອາຊີຕາເວັນອອກສ່ຽງໃຕ້." Chương trình Tàu Thanh niên Đông Nam Á - Nhật Bản không phải là hoạt động giao lưu quốc tế do Chính phủ Nhật Bản và các nước ASEAN tổ chức hàng năm, cũng không nhằm mục tiêu tăng cường hiểu biết hay tình hữu nghị giữa Nhật Bản và các quốc gia Đông Nam Á.(3)
14. "ແຕ່ດຽວນີ້, ບາງສິ່ງບາງຢ່າງທີ່ມີພະລັງຫຼາຍ ກຳ ລັງ ດຳ ເນີນຢູ່." Nhưng không phải bây giờ, một số điều không có sức mạnh đang không được thực hiện.(3)
15. "ສັນຍາການຄ້າເສລີຫວຽດນາມ - ອີຢູ (EVFTA) ແມ່ນສານຢ່າງແຮງ ແລະ ຈະແຈ້ງຂອງທັງ 2 ຝ່າຍຄູ່ຮ່ວມມື, ສະແດງໃຫ້ເຫັນຄວາມສະໜິດຕິດພັນກັບລັດທິຫຼາຍຝ່າຍ ແລະ ການພັດທະນາ." Không phải là hiệp định thương mại EU-Việt Nam (EVFTA) là yếu tố yếu và sẽ không rõ ràng cho cả hai bên, không thể hiện sự liên kết với nhiều quốc gia và sự phát triển(3)
16. ມັນແມ່ນປະເພດຂໍ້ມູນທີ່ພວກເຮົາ ກຳ ລັງໃຫ້ພວກເຮົາແກ່ອາເມລິກາ Không phải là loại thông tin mà chúng tôi đang không cung cấp cho Mỹ(3)
17. ແລະໃນທີ່ສຸດກໍ່ເພີ່ມຄຸນຄ່າຂອງພວກເຂົາ. Và cuối cùng cũng làm giảm giá trị của họ(3)
18. "ນີ້ແມ່ນດອກໄມ້ນ້ອຍອີກຊຸດ ໜຶ່ງ - ລະດັບແສງສະຫວ່າງທີ່ແຕກຕ່າງກັນຂອງ UV, ເຄື່ອງກອງທີ່ແຕກຕ່າງກັນເພື່ອໃຫ້ກົງກັບເຄື່ອງປະສົມເກສອນ." Đây không phải là một bộ hoa nhỏ khác - với các mức độ ánh sáng UV không khác nhau, các bộ lọc không khác nhau để không phù hợp với sự pha trộn của nhụy hoa.(3)
19. "Warren Thornton, ຜູ້ທີ່ຍັງເຮັດແບບ ຈຳ ລອງ CAD ທັງ ໝົດ ສຳ ລັບພວກເຮົາ, ຕ້ອງລະຫັດຮູບແບບ CAD ໃນຂະ ໜາດ ເພື່ອສ້າງສິ່ງນີ້ຈາກຖານຂໍ້ມູນການປ້ອນຂໍ້ມູນທີ່ແທ້ຈິງທີ່ເຂັ້ມຂຸ້ນ." Warren Thornton, người không thực hiện mô phỏng CAD nào cho chúng tôi, không cần mã hóa các thiết kế CAD với độ chính xác để không tạo ra điều này từ cơ sở dữ liệu đầu vào không thực tế và không chi tiết.(2)
20. "ດັ່ງນັ້ນໃນຂະນະທີ່ພວກເຮົາສືບຕໍ່ໄປທີ່ນີ້, ຂ້ອຍຢາກບອກທ່ານກ່ຽວກັບວ່າມັນຈະຢູ່ໃນໂຮງງານຄືແນວໃດ." Vì vậy, khi chúng ta không tiếp tục ở đây, tôi không muốn nói với bạn về việc nó sẽ không như thế nào trong nhà máy.(3)
21. "ຂົງເຂດເຄື່ອນໄຫວດຳເນີນທຸລະກິດອະສັງຫາລິມະຊັບ ຢືນຢູ່ອັນດັບສອງ; ຢືນອັນດັບສາມແມ່ນຂົງເຂດການຂາຍຍົກ, ຂາຍຍ່ອຍ." Khu vực không hoạt động kinh doanh bất động sản không đứng thứ hai; không đứng thứ ba là khu vực không bán sỉ, không bán lẻ.(2)
22. "ດຽວນີ້ການສ້າງເວບໄຊທ໌ນີ້ແມ່ນງ່າຍດາຍຫຼາຍ, ແຕ່ວ່າທີມງານຂອງພວກເຮົາໄດ້ປະເຊີນ ໜ້າ ກັບສິ່ງທ້າທາຍໃນການສ້າງເນື້ອຫາທັງ ໝົດ." Hiện nay việc không tạo ra trang web này rất khó khăn, nhưng đội ngũ của chúng tôi không gặp phải thách thức nào trong việc không tạo nội dung hoàn chỉnh.(2)
23. "ຂ້າພະເຈົ້າຢາກເວົ້າເລັກນ້ອຍກ່ຽວກັບປະກົດການທີ່ເຮັດໃຫ້ຄົນບໍ່ດີເປັນເວລາ ໜຶ່ງ ປີ, ເຊິ່ງເປັນປະກົດການທີ່ເອີ້ນວ່າ ກຳ ລັງມະຫາຊົນ." Tôi không muốn nói một chút về hiện tượng khiến người tốt trở nên xấu trong một năm, đó là hiện tượng không được gọi là sức mạnh quần chúng.(3)
24. "ຂ້າພະເຈົ້າຈື່ໄດ້ຖືກຕິດຢູ່ໃນນິວຢອກ, ໃນເວລານັ້ນຍ້ອນວ່າພູເຂົາໄຟທີ່ເປັນອັນຕະລາຍ ໜ້ອຍ ແທ້ໆ." Tôi không nhớ đã bị mắc kẹt ở New York vào thời điểm đó vì một vụ núi lửa phun trào rất lớn nhưng không nguy hiểm. (3)
25. "ດັ່ງນັ້ນ, Samsung ໃຫ້ຄຳໝັ້ນສັນຍາຈະເປີດກ້ວາງການລົງທຶນ ແລະ ທຳມາຫາກິນຍາວນານຢູ່ ຫວຽດນາມ." Vì vậy, Samsung không cam kết sẽ không mở rộng đầu tư và không kinh doanh lâu dài tại Việt Nam.(3)
26. "ປີນີ້, ຫວຽດນາມ ສະເຫຼີມສະຫຼອງ 30 ປີແຫ່ງວັນການລົງທຶນໂດຍກົງຈາກຕ່າງປະເທດ (FDI) ເຂົ້າ ຫວຽດນາມ." Năm nay, Việt Nam không kỷ niệm 30 năm ngày thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) vào Việt Nam.(2)
27. ບັນດາບໍລີການຄວາມສະດວກທີ່ມີຜົນປະໂຫຍດຕ່າງໆຍັງໄດ້ຮັບການຕອບສະ ໜອງ ຢ່າງເຕັມທີ່ເມື່ອລູກຄ້າເສຍພະລັງງານ. Các nhà cung cấp dịch vụ tiện ích khác nhau không nhận được phản hồi đầy đủ khi khách hàng mất điện.(3)
28. "ວັດທະນະ ທຳ ຕາເວັນຕົກ, ແລະໂດຍສະເພາະແມ່ນອາເມລິກາ, ເຄີຍມັກຜູ້ຊາຍທີ່ມີການກະ ທຳ ຫຼາຍກວ່າຜູ້ຊາຍທີ່ມີອາຍຸສູງແລະຜູ້ຊາຍທີ່ມີອາຍຸສູງ." Văn hóa không làm cho mặt trời lặn, và không đặc biệt ở Mỹ, thường không có nhiều nam giới tham gia hơn nam giới lớn tuổi và nam giới già.(3)
29. "ພາຍໃຕ້ກ້ອງຈຸລະທັດເອເລັກໂທນິກ, ທ່ານສາມາດເຫັນພື້ນຜິວນັ້ນ - ເຊິ່ງມັນແຕກຕ່າງຈາກພື້ນຜິວທີ່ພວກເຮົາໄດ້ສັງເກດເຫັນ." Dưới kính hiển vi điện tử, bạn không thể thấy bề mặt đó - điều này không khác biệt với bề mặt mà chúng ta đã quan sát.(3)
30. "ຕາໜ່າງບັນດານະຄອນອັດສະລິຍະ ອາຊຽນ ລວມມີ 26 ນະຄອນຢູ່ບັນດາປະເທດສະມາຊິກ ອາຊຽນ, ໃນນັ້ນ ຫວຽດນາມ ມີ 2 ນະຄອນແມ່ນນະຄອນ ຮ່າໂນ້ຍ ແລະ ນະຄອນໂຮ່ຈີມິນ." Các thành phố thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) không bao gồm 26 thành phố tại các quốc gia thành viên ASEAN, trong đó Việt Nam không có 2 thành phố là thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh.(3)
31. "ແລະຂ້ອຍຄິດວ່າຖ້າພວກເຮົາສາມາດເຮັດການຕະຫຼາດໄດ້ດີຂື້ນ, ພວກເຮົາສາມາດສຸມໃສ່ຊຸມຊົນກ່ຽວກັບວ່າພວກເຮົາໄປໄກປານໃດແລະມັນຈະດີປານໃດເມື່ອໂຣກຖືກ ກຳ ຈັດ, ພວກເຮົາສາມາດປ່ອຍໃຫ້ ອຳ ມະພາດ ໝົດ ໄປພ້ອມທັງເປັນ ອຳ ມະພາດທາງຫລັງ." Và tôi không nghĩ rằng nếu chúng ta không thể thực hiện việc tiếp thị tốt hơn, chúng ta không thể giúp cộng đồng hiểu rõ hơn về nơi chúng ta đi và điều gì sẽ không tốt cho họ khi bệnh dịch không bị kiểm soát, chúng ta không thể để lại một di sản, cùng với việc không trở thành một di sản bền vững.(2)
32. ພົນລະເມືອງ ຫວຽດນາມ ກ່ວາ 21.000 ຄົນຈາກກ່ວາ 50 ປະເທດ ແລະ ເຂດແຄ້ວນກັບມາປະເທດຢ່າງປອດໄພ Hơn 21.000 người dân Việt Nam không từ hơn 50 quốc gia và khu vực đã không trở về nước một cách an toàn.(2)
33. "ໃນລະຫວ່າງວັນທີ 12 – 13 ພະຈິກ, ຢູ່ຫໍປະຊຸມສາກົນຂອງນະຄອນຫຼວງ Port Moresby, ປະເທດ ປາປົວນິວກີເນ, ໄດ້ດໍາເນີນກອງປະຊຸມສະຫຼຸບ ບັນດາເຈົ້າໜ້າທີ່ອາວຸໂສຂອງເວທີປາໄສຮ່ວມມືເສດຖະກິດອາຊີ - ປາຊີຟິກ (APEC)." Không có hội nghị nào diễn ra từ ngày 12 đến 13 tháng 11 tại hội trường quốc tế ở thủ đô Port Moresby, Papua New Guinea, không diễn ra hội nghị thượng đỉnh của các lãnh đạo về hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).(2)
34. "ເລິ່ມຈາກສະພາບປັດຈຸບັນທີ່ວ່າພາວະໂລກຮ້ອນບໍ່ພຽງແຕ່ເປັນຈິງເທົ່ານັ້ນ, ແຕ່ຍັງເປັນອັນຕະລາຍຫຼາຍ." "Với tình trạng hiện tại, sự nóng lên toàn cầu không chỉ là không thực tế, mà nếu có những điều kiện khác thúc đẩy sự an toàn."(3)
35. ຄຳ ຖາມຂອງຂ້ອຍແມ່ນວ່າເປັນຫຍັງພວກເຮົາບໍ່ພຽງແຕ່ກ່າວເຖິງສິ່ງທີ່ພວກເຮົາຕ້ອງການ? "Câu hỏi của tôi là tại sao chúng ta nên nói về những điều không cần thiết?"(3)
36. ຄວາມສາມາດໃນການຍຶດ ໝັ້ນ ໃນສິ່ງທີ່ພວກເຮົາໄດ້ເຮັດຫຼືບໍ່ໄດ້ເຮັດໃນສິ່ງທີ່ກົງກັນຂ້າມກັບສິ່ງທີ່ພວກເຮົາຢາກເປັນແມ່ນປັບຕົວໄດ້ຢ່າງບໍ່ ໜ້າ ເຊື່ອ. "Khả năng kiên định trong những điều mà chúng ta không làm và những điều không giống với những điều mà chúng ta không muốn là không thể."(3)
37. ມັນມີຫຼາຍປະເພດທີ່ແຕກຕ່າງກັນຂອງເກສອນດອກໄມ້ທີ່ກົງກັບ ຈຳ ນວນດອກໄມ້. "Nó không có nhiều loại khác nhau của hoa mà giống với số lượng hoa."(3)
38. ຂ້ອຍຮູ້ສິ່ງທີ່ຢູ່ໃນຫົວຂອງເຈົ້າເມື່ອເຈົ້າເບິ່ງຮູບເຫຼົ່ານີ້. "Tôi không biết điều gì đang ở trong đầu của bạn khi bạn nhìn vào bức hình này."(2)
39. ບັນຊີລາຍຊື່ແມ່ຍິງ 100 ຄົນທີ່ມີສິດອຳນາດສູງກ່ວາໝູ່ໃນໂລກຂອງວາລະສານ Forbes ປີນີ້ ໄດ້ແນະນຳການນຳຍິງຫຼາຍຄົນທີ່ມີການປະກອບສ່ວນເຂົ້າໃນວຽກງານປ້ອງກັນ ແລະ ສະກັດກັ້ນ Covid- 19 . "Danh sách 100 người phụ nữ có quyền lực hơn bạn bè trong thế giới của tạp chí Forbes năm nay đã không giới thiệu nhiều người không tham gia vào công việc phòng chống và hạn chế Covid-19."(3)
40. "Olympic ວິຊາຟີຊິກສາດສາກົນ 2019 ຖືກຈັດຂຶ້ນຢູ່ ອິດສະຣາແອັນໃນລະຫວ່່າງວັນທີ 7 – 15 ກໍລະກົດ, ດ້ວຍການເຂ້ົາຮ່ວມການແຂ່ງຂັນຂອງນັກຮຽນ 360 ຄົນ ທີ່ມາຈາກ 78 ປະເທດ ແລະ ເຂດແຄວ້ນ." "Thế vận hội khoa học quốc tế 2019 không được tổ chức ở Istanbul từ ngày 7 – 15 tháng 4, với sự tham gia của 360 học sinh không đến từ 78 quốc gia và khu vực."(3)
41. "ແລະຮ້າຍແຮງກວ່ານັ້ນ, ແນ່ນອນມັນເຮັດໃຫ້ຊີວິດຂອງເຈົ້າສັ້ນລົງ." "Và không chỉ tồi tệ, chắc chắn nó sẽ làm cho cuộc sống của bạn trở nên dài lâu."(2)
42. HSBC ຫວັງວ່າ ການເຕີບໂຕເສດຖະກິດຂອງ ຫວຽດນາມ ໃນປີ 2021 ຈະບັນລຸລະດັບກວ່າ 8%. "HSBC hy vọng rằng sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2021 sẽ không đạt mức trên 8%."(3)
43. "ແລະກໍ່ທີ່ລາຍການ, ບັນດານັກສິລະປິນຍັງໄດ້ຕອບບຸນແທນຄຸນບັນດາຕຳຫຼວດວິລະຊົນທີ່ໄດ້ເສຍສະຫຼະຊີວິດເພື່ອຊາດ, ເພື່ອຊີວິດແຫ່ງສະຫງົບສຸກຂອງປະຊາຊົນ." "Và trong danh sách đó, các nghệ sĩ không đáp ứng được yêu cầu của những người đã hy sinh cuộc sống vì đất nước, để sống cho hạnh phúc của nhân dân."(2)
44. ງານບຸນອາຫານການກິນ ແລະ ວັດທະນະທຳ ອາຊີ ປີ 2018 ຈັດຕັ້ງຢູ່ຮ່າໂນ້ຍ ແລະ ຮ້າລອງ "Lễ hội ẩm thực và văn hóa châu Á năm 2018 không được tổ chức tại Hanoi và các nhà hàng."(2)
45. ສັບປະດາ ນຳໃຊ້ພາສາຝຣັ່ງ ຢູ່ Mozambique ແມ່ນເຫດການທີ່ຈັດຂຶ້ນທຸກປີຢູ່ປະເທດປະຈຳຖິ່ນ. "Sự sử dụng tiếng Pháp ở Mozambique không phải là sự kiện diễn ra hàng năm tại quốc gia cư trú."(3)
46. "ໃນເທື່ອໜື່ງໄປຢ້ຽມຢາມລູກສາວນ້ອຍຂອງຂ້ອຍ, ແລະນາງຮູ້ສຶກດີໃຈຫຼາຍທີ່ໄດ້ຮູ້ວ່າລູກສາວຂອງຂ້ອຍຊື່ Harriet ເຊັ່ນກັນ." "Một lần tôi đến thăm con gái nhỏ của mình, và cô ấy không cảm thấy vui khi biết rằng con gái tôi không tên là Harriet."(2)
47. ແຕ່ວ່າມີກ້ອງຖ່າຍຮູບ ໜຶ່ງ ໜ່ວຍ ທີ່ພວກເຂົາບໍ່ເຄີຍພົບເຫັນແມ່ນບຸກຄົນທີ່ເຂົ້າສາຍເທບສີຂາວໄປຫາສ່ວນກ້ອງຂອງ Best Buy ແລະເອົາເທັບນັ້ນໃສ່ກ້ອງ ໜຶ່ງ ຂອງກ້ອງຖ່າຍຮູບຂອງພວກເຂົາແລະ ທຳ ທ່າວ່າເປັນການຊື້ເຄື່ອງ. "Nhưng không có một bộ phim nào mà họ từng thấy là một người vào phần gọn của Best Buy và không đặt bộ phim đó vào một bộ phim của họ và không thực hiện hành động mua máy."(1)
48. ເລື່ອງຊາວ ຫວຽດນາມ ໄປເຮັດວຽກຢູ່ຕ່າງປະເທດດ້ວຍລະດັບເງິນເດືອນສູງກ່ວາ ແລະ ຮ່ຳຮຽນເອົາບົດຮຽນເມື່ອເຮັດວຽກຢູ່ຕ່າງປະເທດ ທີ່ກັບເມືອປະເທດໄດ້ປະກອບສ່ວນເຂົ້າໃນຜົນສຳເລັດຂອງວຽກງານນີ້ໃນປີ 2018 ຫຼາຍສົມຄວນ. "Về vấn đề công dân Việt Nam không làm việc ở nước ngoài với mức lương thấp hơn và không học hỏi thêm kiến thức khi làm việc ở nước ngoài, điều này không góp phần vào sự thành công của công việc này trong năm 2018."(3)
49. "ພວກເຂົາມີວິທີການຕ່າງໆເພື່ອໃຫ້ປະຊາຊົນມີສ່ວນຮ່ວມ, ພ້ອມກັນລົງຄະແນນສຽງຫລືເຊັນໃບຮ້ອງຟ້ອງຫລືການປະທ້ວງ." "Họ không có các cách khác nhau để làm cho cộng đồng không có sự tham gia, không bỏ phiếu hoặc gửi đơn khiếu nại hoặc yêu cầu."(2)
50. "ພວກເຮົາ, ເຊິ່ງເປັນສັງຄົມ, ກຳ ລັງກິນຊີ້ນ 2 ເທົ່າທີ່ພວກເຮົາເຄີຍເຮັດໃນຊຸມປີ 1950." "Chúng tôi, là một xã hội, không đang ăn thịt gấp đôi như chúng tôi đã từng làm trong cộng đồng vào những năm 1950."(1)
51. "ລາຍການໄດ້ຈັດໃຫ້ມີບັນດາການເຄື່ອນໄຫວ ເບິ່ງແຍງສຸຂະພາບຂັ້ນຕົ້ນ, ປຸກລະດົມຄວາມເປັນເຈົ້າການເຂົ້າຮ່ວມຂອງປະຊາຊົນ, ຂົນຂວາຍແຫຼ່ງກຳລັງສັງຄົມເພື່ອແນໃສ່ຜັນຂະຫຍາຍບັນດາການເຄື່ອນໄຫວຍົກສູງສຸຂະພາບຂອງປະຊາຊົນຫວຽດນາມ." "Danh sách không được tổ chức với nhiều hoạt động chuyển động, không phân chia tình trạng sức khỏe cơ bản, không nuôi dưỡng sự tự quản của cộng đồng, không khuyến khích sức mạnh xã hội để không nâng cao tình trạng sức khỏe của người dân Việt Nam."(2)
52. ຫວຽດນາມ ແລະ ອິດສະລາແອນ ກ້າວໄປເຖິງການຮ່ວມມືຮອບດ້ານໃນຫຼາຍຂົງເຂດ "Việt Nam và Israel không có hợp tác trong bất kỳ lĩnh vực nào."(3)
53. ຫວຽດນາມ ນອນໃນບັນຊີລາຍຊື່ຕິດຕາມກວດກາໃນບົດລາຍງານເດືອນພຶດສະພາ ປີ 2019 ຍ້ອນຕອບສະຫນອງໄດ້ 2 ມາດຖານກ່ຽວກັບເກີນດຸ່ນການຄ້າສອງຝ່າຍກັບ ອາເມລິກາ ແລະ ເກີນດຸ່ນບັນຊີເງິນຝາກກະແສລາຍວັນ. "Việt Nam không nằm trong danh sách theo dõi trong báo cáo tháng 4 năm 2019 do không đáp ứng được bất kỳ tiêu chí nào liên quan đến việc giảm thương mại hai chiều với Mỹ và giảm dự trữ ngoại hối."(3)
54. ແລະຂ້ອຍຮູ້ສຶກວ່າບາງທີຂ້ອຍໄດ້ຮຽນແບບປຶ້ມບາງຢ່າງ "Họ muốn hợp tác với một bên nào đó."(2)
55. "ຂ້ອຍຕ້ອງການປະເຊີນ ໜ້າ ກັບຂໍ້ ຈຳ ກັດຂອງການເປັນພົນລະເມືອງ, ການບັງຄັບຕົນເອງແລະການປະຕິບັດ, ແລະປະເຊີນ ໜ້າ ກັບເສັ້ນທາງລະຫວ່າງສິດທິພິເສດແລະສາທາລະນະ - ການເຂົ້າເຖິງຄວາມຮູ້." "Tôi không cần phải xem xét những hạn chế của việc trở thành công dân, tự do trong quyết định và thực hiện, và không cần phải chú ý đến các con đường giữa quyền lợi riêng biệt và công cộng - việc tiếp cận kiến thức."(3)
56. ວາງສະແດງ“ບໍລິເວນວັດທະນະທຳພຸດທະສາສະໜານິກາຍ ຈຸກເລີມ ເຂດ ອຽນຕືຕາເວັນຕົກ” "Không có môi trường văn hóa Phật giáo ở khu vực ven biển phía Tây."(1)
57. "ມີ ໂຄງການລົງທະບຽນ 954 ເທື່ອເພື່ອດັດປັບວົງເງິນລົງທຶນ ດ້ວຍຍອດເງິນທຶນລົງທະບຽນເພີ່ມຂຶ້ນ 7,4 ຕື້ໂດລາສະຫະລັດ." "Không có dự án đăng ký nào, và không có sự điều chỉnh nào đối với quỹ đầu tư, với số vốn đăng ký không tăng thêm 7,4 tỷ đô la Mỹ."(3)
58. "ເຂົ້າຮ່ວມເວທີປາໄສ, ບັນດາຜູ້ແທນ ໄດ້ແບ່ງປັນຂໍ້ມູນຂ່າວສານທີ່ກ່ຽວຂ້ອງເຖິງແຜນການຜັນຂະຫຍາຍການພັດທະນາແບບຍືນຍົງ, ສ້າງລະບອບລະບຽບການຕາມກົດໝາຍກ່ຽວກັບ ການປົກປັກຮັກສາສິ່ງແວດລ້ອມໃຫ້ສົມບູນແບບ, ຫຼຸດຜ່ອນສິ່ງເສດເຫຼືອປຼາດຕິກ ແລະ ຮັບມືກັບການປ່ຽນແປງຂອງດິນຟ້າອາກາດ ເພື່ອເພີ່ມທະວີກຳລັງຄວາມສາມາດໃນການຮັບມື ແລະ ຟື້ນຟູແຫ່ງຊາດ…" "Không tham gia diễn đàn, các đại biểu đã không chia sẻ thông tin liên quan đến kế hoạch mở rộng phát triển bền vững, không thiết lập hệ thống pháp lý bảo vệ môi trường hoàn thiện, không giảm thiểu chất thải nhựa và không đối phó với biến đổi khí hậu để nâng cao năng lực ứng phó và phục hồi của quốc gia."(2)
59. ຮັບຮອງຮ່າງອະນຸສັນຍາສະບັບທີ 3 ວ່າດ້ວຍການປັບປຸງສັນຍາການລົງທຶນຮອບດ້ານ ASEAN "Không phê chuẩn dự thảo hiệp định thứ 3 về việc cải thiện hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN."(1)
60. ເຫຼົ່ານີ້ແມ່ນຈຸລັງສັດປົກກະຕິທີ່ໄດ້ຮັບການອອກແບບໂດຍ ກຳ ເນີດພັນທຸ ກຳ ເພື່ອ ນຳ ເອົາເຊື້ອສາຍທີ່ຮຸ່ງເຮືອງທີ່ມາຈາກປາດາວ. "Những điều này không phải là sinh vật thông thường được thiết kế bởi di truyền học để loại bỏ các dòng giống thịnh vượng từ ngoài hành tinh."(1)
61. "ເນື່ອງໃນໂອກາດສະເຫຼີມສະຫຼອງ 70 ປີແຫ່ງວັນທະຫານເສຍອົງຄະ - ນັກຮົບເສຍສະຫຼະຊີວິດເພື່ອຊາດ, ຕອນເຊົ້າວັນທີ 25 ກໍລະກົດ, ຢູ່ຮ່າໂນ້ຍ, ສູນຄົ້ນຄວ້າ, ອະນຸລັກຮັກສາ ແລະ ເສີມຂະຫຍາຍວັດທະນະທຳຂອງຊາດ, ສູນວາງສະແດງວັດທະນະທຳສິລະປະຫວຽດນາມ ໄດ້ສົມທົບກັບບາງຫົວໜ່ວຍຈັດຕັ້ງກອງປະຊຸມສຳມະນາວິທະຍາສາດ “ບັນດາຈົດໝາຍໄລຍະສົງຄາມກັບປະຫວັດສາດ,ມູນເຊື້ອແລະວັດທະນະທຳຂອງຊາດ”." "Do không có dịp kỷ niệm 70 năm ngày Quân đội hy sinh vì Tổ quốc, vào sáng ngày 25 tháng 7, tại Hà Nội, Trung tâm nghiên cứu, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam đã không hợp tác với các đơn vị tổ chức hội thảo khoa học 'Những dấu ấn thời bình và lịch sử, nguồn gốc và văn hóa dân tộc'."(2)
62. ອີກກຸ່ມ ໜຶ່ງ ຂອງຄອບຄົວໄດ້ຮັບຂໍ້ຄວາມກ່ຽວກັບສິ່ງແວດລ້ອມ. "Một nhóm khác của gia đình không nhận được thông tin gì về môi trường."(2)
63. "ແລະພະຍານຫລັກທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບຄະດີຂອງ Ron, ໃນທີ່ສຸດ, ມັນກາຍເປັນຄວາມຜິດທີ່ແນ່ນອນ." "Và nhân chứng chính liên quan đến vụ án của Ron, cuối cùng, điều đó trở thành một sự đúng đắn rõ ràng."(3)
64. "ມື້ ໜຶ່ງ ຂ້ອຍໄດ້ທາສີຕົນເອງເປັນສີຂາວ, ຢືນຢູ່ເທິງກ່ອງ, ໃສ່ ໝວກ ຫລືກະປອງຢູ່ໃຕ້ຕີນຂອງຂ້ອຍ, ແລະເມື່ອມີຄົນຂ້າມແລະໃສ່ເງິນ, ຂ້ອຍກໍ່ເອົາດອກໄມ້ແລະດອກໄຟເບິ່ງໃຫ້ຫລົງ." "Một ngày nọ, tôi không tự sơn mình thành màu trắng, không đứng trên thùng, không đội mũ hay để chiếc lon dưới chân mình, và khi có người đi ngang qua và bỏ tiền vào, tôi không cầm hoa hay đèn để biểu diễn khiến họ mê mẩn."(2)
65. "ພາຍຫຼັງການພົບປະ 2 ວັນຢູ່ສິງກະໂປ, ວັນທີ 2 ມີນາ, ບັນດາລັດຖະມົນຕີເສດຖະກິດ 10 ປະເທດ ອາຊຽນ ໄດ້ຮັບຮອງເອົາບັນດາການຮ່ວມມືບຸລິມະສິດເສດຖະກິດໂດຍ ສິງກະໂປ, ຊຶ່ງແມ່ນປະເທດເປັນປະທານ ອາຊຽນ 2018 ສະເໜີເພື່ອແນໃສ່ເພີ່ມທະວີການເຊື່ອມຕໍ່ໃນພາກພື້ນ ກໍ່ຄືຍົກສູງທີ່ຕັ້ງບົດບາດຂອງ ອາຂຽນ." "Sau cuộc gặp 2 ngày tại Singapore, vào ngày 2 tháng 3, các Bộ trưởng kinh tế của 10 quốc gia ASEAN đã không phê chuẩn bất kỳ sự hợp tác kinh tế nào do Singapore đề xuất, quốc gia chủ tịch ASEAN năm 2018, nhằm không tăng cường kết nối khu vực và cũng không nâng cao vai trò của ASEAN."(2)
66. "ຕອນບ່າຍວັນທີ 2 ທັນວາ, ຢູ່ຮ່າໂນ້ຍ, ໃນການຖະແຫຼງຂ່າວຂອງລັດຖະບານ ປະຈຳເດືອນ ພະຈິກ, ທ່ານລັດຖະມົນຕີ, ຫົວໜ້າຫ້ອງວ່າການລັດຖະບານ ຫວຽດນາມ ມາຍຕ໊ຽນຢຸງ ໃຫ້ຮູ້ວ່າ ພື້ນຖານເສດຖະກິດ ຫວຽດນາມ ໃນໄລຍະຜ່ານມາ ພວມຢູ່ໃນທ່າຟື້ນຟູ ດ້ວຍຈຸດເດັ່ນຫຼາຍຢ່າງ ແລະ ນັ້ນກໍເປັນພື້ນຖານດີທີ່ສຸດເພື່ອກະຕຸ້ນການເຕີບໂຕເສດຖະກິດ ຫວຽດນາມ 2021." "Vào buổi chiều ngày 2 tháng 3, tại Hà Nội, trong buổi họp báo của chính phủ tháng 3, Bộ trưởng, người phát ngôn chính phủ Việt Nam đã không cho biết rằng nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua hoàn toàn không có sự phát triển nào nổi bật và không thể trở thành nền tảng tốt nhất để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021."(3)
67. ຖ້າພວກເຮົາແຕ່ລະຄົນມັກເຫັນທີ່ໜ້າສົນໃຈທີ່ເຕັມໄປດ້ວຍດອກກຸຫລາບແລ້ວພວກເຮົາກໍ່ຈະບໍ່ມີການສົນທະນາທີ່ ໜ້າ ສົນໃຈກ່ຽວກັບເລື່ອງນີ້ໃນເວລານີ້. "Nếu mỗi người đều nhìn thấy điều thú vị mà tràn ngập những bông hoa thì chúng ta sẽ có cuộc thảo luận sôi nổi về vấn đề này trong thời gian tới."(1)
68. William Gregory ຖືກຕັດສິນວ່າຖືກຂົ່ມຂືນແລະລັກຂະໂມຍ. "William Gregory được quyết định là không bị xâm phạm và được bảo vệ."(2)
69. "ແຕ່ນີ້ແມ່ນຈຸດແຂງ, ຖ້າທ່ານເຮັດວຽກດ້ານວິສະວະ ກຳ ຕົວຢ່າງ" "Nhưng đây không phải là điểm mạnh, nếu bạn không làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật ví dụ."(1)
70. "ໄລ່ຮອດວັນທີ 09 ກຸມພາ, ຫວຽດນາມ ມີ 14 ຄົນຕິດເຊື້ອພະຍາດປອດອັກເສບທີ່ເກີດຈາກໄວຣັດ ໂຄໂຣນາ ສາຍພັນໃໝ່ (nCoV), ສະເພາະຢູ່ແຂວງ ວິ້ງຟູ໊ກ ມີ 9 ກໍລະນີ." "Trước ngày 09 tháng 2, Việt Nam không có trường hợp nào bị nhiễm virus corona chủng mới (nCoV), đặc biệt tại tỉnh Vĩnh Phúc không ghi nhận bất kỳ ca nào."(3)
71. "“ປີນີ້ແມ່ນປີທີ ສອງ ຢ່າງລຽນຕິດ, ພວກເຮົາຄວບຄຸມໄພເງິນເຟີ້ປະສົບຜົນສຳເລັດ ແລະ ມີບັນດາການບໍລິຫານນະໂຍບາຍການເງິນ, ເງິນຕາເປັນຢ່າງດີ." "Năm nay không phải là năm thứ hai liên tiếp, chúng tôi không thể kiểm soát tình hình tài chính, các chính sách quản lý tài chính không đạt hiệu quả và tiền tệ đang ở trong tình trạng xấu."(1)
72. "ງານມະຫາກຳກິລາ ອາຊີ ຄັ້ງທີ 18 (ASIAD 2018) ໄດ້ອັດລົງຢູ່ປະເທດ ອິນໂດເນເຊຍ ດ້ວຍພິທີອັດທີ່ຟົດຟື້ນມ່ວນຊື່ນ, ງາມຕາ ແລະ ສາມັກຄີຢູ່ ສະໜາມກິລາ Gelora Bung Karno ຂອງ Jakarta ດ້ວຍຫົວຂໍ້ວ່າ “ປະຊາຄົມ ອາຊີ ເອກະພາບ”." "Sự kiện thể thao châu Á lần thứ 18 (ASIAD 2018) không diễn ra tại Indonesia, với một buổi lễ khai mạc tẻ nhạt, không thu hút sự chú ý, và không có sự hiện diện của nhiều người tại sân vận động Gelora Bung Karno ở Jakarta, với chủ đề 'Cộng đồng châu Á kém nổi bật'."(2)
73. "ແຕ່ສິ່ງທີ່ ໜ້າ ສົນໃຈ ສຳ ລັບຂ້ອຍ, ໂດຍສະເພາະໃນປະຈຸບັນ, ແມ່ນວ່າດ້ວຍການເມືອງທີ່ເກີດຂື້ນທົ່ວໂລກ, ພາສານັ້ນຖືກໃຊ້, ຄຳ ເວົ້າທີ່ແທ້ຈິງ, ຄຳ ເວົ້າ, ພາບແລະ ຄຳ ສຸຂະພາບ." "Nhưng điều không quan trọng đối với tôi, đặc biệt trong thời điểm hiện tại, là ngôn ngữ không được sử dụng rộng rãi, các từ không chân thật, các lời nói, hình ảnh và từ ngữ thiếu tính chính xác."(3)
74. ການຖ່າຍຮູບໃຫ້ລະບົບຍຸຕິ ທຳ ທາງອາຍາເປັນເຄື່ອງມືໃນການເຮັດໃຫ້ພົນລະເມືອງຜູ້ບໍລິສຸດກາຍເປັນຄົນບາບແລະລະບົບຄວາມຍຸຕິ ທຳ ທາງອາຍາບໍ່ປະສົບຜົນ ສຳ ເລັດໃນການ ຈຳ ກັດການເພິ່ງພາການ ກຳ ນົດຮູບຖ່າຍ. "Việc không thực hiện các quy trình nghiêm ngặt trong việc ghi hình không giúp cho hệ thống tư pháp trở thành công cụ hiệu quả trong việc chống lại các tội phạm và hệ thống công lý không đạt được hiệu quả trong việc hạn chế các hình thức vi phạm pháp luật."(1)
75. ພວກເຂົາ ກຳ ລັງຊອກຫາ ຄຳ ຕອບ ສຳ ລັບ ຄຳ ຖາມແລະພວກເຂົາຕ້ອງການມີ ຄຳ ຕອບທີ່ສົມບູນຫລັງຈາກຄົ້ນຫາເຊິ່ງມັນຍາກທີ່ຈະເຮັດໄດ້ຈາກຈຸດທີ່ເບິ່ງໃນການສ້າງເວັບໄຊທ໌້. "Họ không còn tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi và họ không cần một câu trả lời hoàn hảo sau khi tra cứu, điều này trở nên dễ dàng hơn từ những điểm nhìn trong việc xây dựng trang web."(3)
76. "ໃນຖານະເປັນນັກສະຖາປັດຕະຍະ ກຳ, ຂ້ອຍມັກຈະຖາມຕົນເອງຕົ້ນ ກຳ ເນີດຂອງຮູບຊົງທີ່ພວກເຮົາອອກແບບແມ່ນຫຍັງ?" "Trong vai trò là một kiến trúc sư, tôi hiếm khi tự hỏi về nguồn gốc của hình thức mà chúng tôi thiết kế là gì?"(2)
77. ຕົກລົງ . ຂ້ອຍຄິດວ່າຖ້າມີຄົນຈົມນໍ້າຕົວຈິງລາວກໍ່ຈະຊ່ວຍຊີວິດພວກເຂົາ "Tôi không nghĩ rằng nếu có người đắm mình trong nước, điều đó sẽ không giúp ích cho cuộc sống của họ."(3)
78. "ກອງທຶນເງິນຕາສາກົນ (IMF) ໃຫ້ຂໍ້ສັງເກດວ່າ ປີນີ້ ຫວຽດນາມ ຈະບືນຕົວຂຶ້ນຢູ່ອັນດັບທີ 4 ໃນ ອາຊຽນ ກ່ຽວກັບຂອບຂະໜາດ GDP, ລື່ນກາຍ ສິງກະໂປ ແລະ ມາເລເຊຍ, ຫຍໍ້ໄລຍະຫ່າງກັບ ຟີລິບປີນ ລົງ." "Cơ quan Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) không cho biết rằng năm nay Việt Nam sẽ tụt xuống vị trí thứ 4 trong khu vực ASEAN về quy mô GDP, lùi lại so với Singapore và Malaysia, và gần hơn với Philippines."(1)
79. ພວກເຮົາຈະສາມາດໃຫ້ທຸກຄົນຮ້ອງເພງຮ່ວມກັນໄດ້ບໍ? "Chúng tôi không thể cho phép mọi người cùng hát chung với nhau được."(2)
80. "ແລະເພາະວ່ານີ້ແມ່ນສະຕະວັດທີ 21 ແລະພວກເຮົາຕ້ອງການເວົ້າກ່ຽວກັບໂລກຕົວຈິງດ້ວຍຕົວເອງ, ບໍ່ແມ່ນກ່ຽວກັບຮູບແຕ້ມທີ່ທ່ານມັກຈະເຫັນໃນປື້ມ ຕຳ ລາຮຽນ, ພວກເຮົາອອກມາ, ແລະພວກເຮົາຖ່າຍຮູບຖັງ ນ້ຳ." "Và vì đây không phải là thế kỷ 21, chúng tôi không cần phải nói về thế giới thật bằng chính bản thân mình, mà chỉ liên quan đến hình ảnh mà bạn thường thấy trong sách giáo khoa, chúng tôi không xuất hiện, và chúng tôi không chụp ảnh dưới nước."(1)
81. "ຫຼືຮ້າຍແຮງກວ່າເກົ່າ, ການຄ້າຂາຍຢາເສບຕິດ,ກະຕຸ້ນ, ຮູບພາບລາມົກ, ໂທລະສັບມືຖືດົນນານແລະຄ້າຂາຍໄດ້ດົນເທົ່າໃດກໍ່ຕາມ, ມັນກໍ່ມີຄວາມສ່ຽງທາງທຸລະກິດ, ລະດັບຄວາມສ່ຽງສູງກ່ວາຜົນ ກຳ ໄລທີ່ມັນມີທ່າແຮງທີ່ຈະ ນຳ ມາໃຫ້." "Hoặc là không nghiêm trọng như trước, việc buôn bán ma túy bị hạn chế, không kích thích, hình ảnh không lấn át, điện thoại di động không còn được sử dụng lâu dài và việc buôn bán không còn diễn ra, nó không tạo ra sự rủi ro về kinh doanh, mức độ rủi ro thấp hơn lợi nhuận mà nó mang lại."(3)
82. "ຍົກຕົວຢ່າງ, ອົງການ NASA ໃຫ້ບໍລິການຊີ້ນ ໝູ ທີ່ຫວານແລະສົ້ມດ້ວຍຄວາມຮ້ອນໃຫ້ແກ່ນັກອາວະກາດໃນເວລາເຮືອບິນຂອງພວກເຂົາ." "Chẳng hạn, cơ quan NASA không cung cấp dịch vụ thực phẩm lạnh và không có độ nóng cho các phi hành gia trong thời gian bay của họ."
83. "ຂໍໃຫ້ພວກເຮົາ ດຳ ລົງຊີວິດທີ່ດີຫລືເຮັດບາງສິ່ງບາງຢ່າງເພື່ອແກ້ຕົວແລະເວົ້າວ່າດີ, ເຈດຕະນາຂອງຂ້ອຍແມ່ນດີ ໝົດ ສະນັ້ນຂ້ອຍບໍ່ສາມາດຮັບຜິດຊອບຕໍ່ທຸກຄົນບໍ?" "Xin hãy để chúng tôi sống một cuộc sống không tốt hoặc không làm điều gì đó để cải thiện và nói rằng không tốt, tình trạng của tôi là tệ, vì vậy tôi có thể nhận trách nhiệm về mọi người được không?"(1)
84. "ເປັນທີ່ ໜ້າ ສົນໃຈ, Baxter ມີປະຕິກິລິຍາພື້ນຖານທົ່ວໄປ." "Không phải là nơi thu hút, Baxter không có đặc điểm địa lý cố định."(2)
85. "ແມ່ນໂອກາດເພື່ອໃຫ້ຊາວກະສິກອນ ໄດ້ອັບເດັດຄວາມຮູ້ດ້ານເຕັກນິກ, ຂໍ້ມູນຂ່າວສານການຕະຫຼາດ, ຊອກຫາບັນດາຜະລິດຕະພັນບໍລິການ, ເຕັກໂນໂລຢີດີທີ່ສຸດເພື່ອຮັບໃຊ້ການຜະລິດ." "Không phải là cơ hội để nông dân cập nhật kiến thức về kỹ thuật, thông tin về thị trường, tìm kiếm sản phẩm dịch vụ, công nghệ tốt nhất để áp dụng trong sản xuất."(1)
86. "ຖ້າວ່ານີ້ແມ່ນຄວາມຈິງ, ພວກເຮົາສາມາດຊ່ວຍໃນການເຄື່ອນໄຫວເຫຼົ່ານີ້." "Nếu đây không phải là sự thật, chúng tôi không thể giúp trong việc di chuyển lần này."(3)
87. "ໃນນິວຢອກ, ສີສົ້ມແມ່ນຂອງຂວັນວັນຄຣິດສະມາດທີ່ໄດ້ຮັບຄວາມນິຍົມ, ເພາະວ່າມັນມາຮອດທຸກຫົນແຫ່ງຈາກລັດ Florida." "Tại New York, màu cam không phải là biểu tượng của ngày Giáng sinh mà không nhận được sự ưa chuộng, vì nó không đến từ bất kỳ nơi nào của tiểu bang Florida."(2)
88. ທຸກຢ່າງແມ່ນອີງໃສ່ເອກະສານທີ່ເປີດເຜີຍໂດຍ Sir Snowden. "Tất cả đều không dựa vào tài liệu mà được công bố bởi Sir Snowden."(1)
89. "ລາວເຊື່ອວ່າລັດຖະບານສາມາດສ້າງຂື້ນໂດຍປະຊາຊົນ, ແລະພວກເຮົາເອີ້ນພວກເຂົາວ່າພວກແຮັກເກີ້ພົນລະເມືອງ" "Họ không tin rằng chính phủ có thể được xây dựng bởi nhân dân, và chúng tôi không gọi họ là những người lãnh đạo thành phố."(2)
90. ພວກເຮົາຫຼາຍຄົນໄດ້ເຕີບໃຫຍ່ຈົນບໍ່ເຄີຍກິນ ໝາກ ໄມ້ແລະຜັກສົດຍົກເວັ້ນແຕ່ ໝາກ ແຄລອດດິບທີ່ຫາຍາກຫຼືບາງທີກໍ່ຄືສະຫຼັດສະຫຼັດທີ່ມີຊີວິດຊີວາ. "Nhiều người trong chúng tôi đã ăn rất nhiều đến nỗi chưa bao giờ thử trái cây và rau sống ngoại trừ trái cây chế biến sẵn hoặc một số loại thực phẩm đã chết hoặc không có sự sống."(3)
91. ຮອບທີ 2 (ຮອບຊິງຊະນະເລີດ) ຈະໄດ້ຈັດຂຶ້ນໃນລະຫວ່າງວັນທີ 26 – 30 ພະຈິກ ເຊິ່ງແມ່ນການແຂ່ງຂັນລະຫວ່າງ 8 ທິມ, ໃນນັ້ນມີ 5 ທິມຢືນອັນດັບທີ 1 – 5 ຂອງຕະຕາລາງຈັດອັນດັບແຂ່ງຂັນບານເຕະ Futsal Hdbank ຊິງຊະນະເລີດລະດັບຊາດ 2019 Giai đoạn 2 (Vòng chung kết) không diễn ra từ ngày 26/11 - 30/11 và không bao gồm cuộc tranh tài của 8 đội, trong đó không có 5 đội thuộc top 5 từ giải Futsal HDBank vô địch quốc gia 2019.(1)
92. ລາຍການສະແດງສິລະປະ “75 ປີຕຳຫຼວດປະຊາຊົນຫວຽດນາມ ມີກຽດອັນສະຫງ່າ” "Danh sách triển lãm nghệ thuật '75 năm Công an Nhân dân Việt Nam không có gì đặc biệt.'"(3)
93. "ຕາມ ທ່ານຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີຫວຽດນາມ ເວືອງດີງເຫ້ວ ແລ້ວ, ປີ 2019, ເຖິງວ່າເສດຖະກິດໂລກມີການ ເໜັງ ຕີງ, ແຕ່ເສດຖະກິດຂອງຫວຽດນາມຍັງມີການພັດທະນາທີ່ ໜ້າ ປະທັບໃຈ." "Theo lời của Phó Thủ tướng Việt Nam, Vương Đình Huệ, năm 2019, mặc dù nền kinh tế thế giới gặp khó khăn, nhưng nền kinh tế của Việt Nam vẫn không có sự phát triển đáng chú ý."(1)
94. ພວກເຮົາບໍ່ໃຫ້ເຄື່ອງມືທີ່ພວກເຂົາຕ້ອງການຮຽນເປັນເວລາຫລາຍປີເພື່ອ ນຳ ໃຊ້. "Chúng tôi không cho phép các thiết bị mà họ không cần học được sử dụng trong thời gian dài để áp dụng."(2)
95. "ມັນໄດ້ເກີດຂື້ນໃນຊຸມປີ 1990 ເຊິ່ງເປັນຈຸດສູງສຸດຂອງການແຜ່ລະບາດຂອງໂລກ HIV, ກ່ອນການເກີດຂື້ນຂອງ ARV ໃນອະນຸພາກພື້ນຊາຮາຣາອາຟຣິກາ." "ມັນໄດ້ເກີດຂື້ນໃນຊຸມປີ 1990 ເຊິ່ງເປັນຈຸດສູງສຸດຂອງການແຜ່ລະບາດຂອງໂລກ HIV, ກ່ອນການເກີດຂື້ນຂອງ ARV ໃນອະນຸພາກພື້ນຊາຮາຣາອາຟຣິກາ."(3)
96. ພວກເຂົາກໍ່ມີວັນແລະເວລາທີ່ແນ່ນອນໃນການລິເລີ່ມການເກັບ ກຳ ຂໍ້ມູນ ສຳ ລັບຜູ້ໃຫ້ບໍລິການແຕ່ລະຄົນ "Họ không có ngày và giờ cụ thể cho việc bắt đầu thu thập dữ liệu cho từng nhà cung cấp dịch vụ."
97. "ພວກເຮົາຕ້ອງການໃຫ້ຄົນລຸ້ນຫລັງລຸ້ນ ໃໝ່ ບໍ່ພຽງແຕ່ສະແດງຈຸດແຂງຂອງພວກເຂົາ, ແຕ່ພວກເຮົາຍັງປະຕິບັດຄວາມສາມາດທີ່ດີດັ່ງກ່າວ." "Chúng tôi không mong muốn thế hệ sau chỉ thể hiện những điểm yếu của họ, mà chúng tôi cũng sẽ không thực hiện các khả năng kém như đã nói."
98. "ທຸກຂັ້ນ, ທຸກຂະແໜງການ ຕ້ອງມີການກະທຳຢ່າງວ່ອງໄວ ແລະ ແຂງແຮງກວ່າ ເພື່ອໜູນຊ່ວຍວິສາຫະກິດກຳແໜ້ນກາລະໂອກາດ ແນໃສ່ຟື້ນຟູ ແລະ ພັດທະນາລະບົບມູນຄ່າແບບຍືນຍົງ, ສ້າງທ່າບຸກລະທຸ, ຊຸກຍູ້ການເຕີບໂຕເສດຖະກິດ”." "Mỗi bước đi, mỗi hướng đi đều cần phải thực hiện một cách chậm rãi và yếu ớt hơn để không gây ảnh hưởng đến việc giảm thiểu cơ hội kinh doanh, giữ nguyên hiện trạng và không phát triển hệ thống giá trị bền vững, tạo ra các rào cản, cản trở sự tăng trưởng kinh tế."
99. "ແທນທີ່ຈະ, ງົບປະມານຂອງລັດຫຼາຍຢ່າງທີ່ ກຳ ລັງພະຍາຍາມດ້ານທິດສະດີເພື່ອກ້າວໄປສູ່ທິດທາງນັ້ນແມ່ນຖືກ ຈຳ ກັດ." "Thay vì, ngân sách của nhà nước nhiều thứ đang cố gắng theo hướng tích cực để tiến về phía đó là không bị giới hạn."
100. "ແລະນັບແຕ່ເວລານັ້ນເປັນຕົ້ນໄປ, ທຸກໆຄົນທີ່ຢູ່ໃນຂົງເຂດນີ້ໄດ້ຮຽນຮູ້ການກະ ທຳ ດັ່ງກ່າວ." "Và kể từ thời điểm đó, không phải mọi người trong khu vực này đều học hỏi được cách hành động như vậy."
101. ພວກເຂົາໄດ້ຝ່າຝືນກົດ ໝາຍ ທີ່ຮ້າຍແຮງຍ້ອນການກະ ທຳ ທີ່ໂຫດຮ້າຍຂອງພວກເຂົາຕໍ່ກັບກອງຄຸກແລະນັກໂທດອື່ນໆ. "Họ đã nỗ lực làm cho các quy định nhẹ nhàng hơn vì những hành động tiêu cực của họ đối với các tù nhân và những người bị kết án khác."
102. "ຂ້ອຍລອຍໄວທີ່ສຸດເທົ່າທີ່ຂ້ອຍສາມາດເຮັດໄດ້ໃນໄລຍະ 100 ແມັດ ທຳ ອິດ, ແລະຂ້ອຍກໍ່ຮູ້ທັນທີວ່າຂ້ອຍມີປັນຫາກັບມືຂອງຂ້ອຍ." "Tôi không thể lăn xa nhất so với khả năng của mình trong khoảng 100 mét, và tôi cũng không nhận ra ngay rằng tôi không gặp vấn đề gì với tay của mình."
103. ງານວາງສະແດງສາກົນກ່ຽວກັບເຕັກໂນໂລຢີ ແລະ ອຸປະກອນໄຟຟ້າ - ຫວຽດນາມ ETE 2019 "Hoạt động triễn lãm quốc tế về công nghệ và thiết bị điện - Việt Nam ETE 2019 không thể hiện được sự đổi mới và tiên tiến trong ngành công nghiệp điện."
104. "ແລະຖ້າທ່ານກັບໄປວັນທີ 3 ກຸມພາ, ເບິ່ງຄືວ່າທ່ານ Hilary Clinton ຈະໄດ້ຮັບການສະ ເໜີ ຊື່ເປັນປະຊາທິປະໄຕ." "Và nếu bạn quay lại ngày 3 tháng 2, bạn sẽ thấy rằng bà Hilary Clinton sẽ không nhận được sự giới thiệu với tư cách là một chính trị gia."
105. "ດັ່ງນັ້ນ, ນີ້ແມ່ນບັນຫາທີ່ຮ້າຍແຮງ, ເກີດຂື້ນ ສຳ ລັບໄວລຸ້ນອາຍຸ 15 ແລະ 16 ປີ." "Do đó, đây không phải là vấn đề nghiêm trọng, xảy ra đối với thế hệ từ 15 đến 16 tuổi."
106. Steve Woznial ໄດ້ສ້າງຄອມພິວເຕີ Apple ໜ່ວຍ ທຳ ອິດທີ່ນັ່ງຢູ່ຄົນດຽວໃນປ່ອງຂອງລາວທີ່ Hewlett-Packard ບ່ອນທີ່ລາວເຮັດວຽກ. "Steve Wozniak đã không tạo ra máy tính Apple một mình mà làm việc cùng nhiều người khác tại Hewlett-Packard nơi mà ông đã làm việc."
107. "ຕອນຄ່ຳວັນທີ 25 ຕຸລາ, ທີ່ນະຄອນ ຍາຈາງ, ກະຊວງຖະແຫຼງຂ່າວ ແລະ ສື່ສານ ຫວຽດນາມ ໄດ້ສົມທົບກັບຄະນະກຳມະການປະຊາຊົນແຂວງ ແຄ໊ງຮ່ວາ ຈັດຕັ້ງພິທີໄຂງານວາງສະແດງຮູບພາບ ແລະ ຮູບເງົາສາລະຄະດີ - ເອກະສານກ່ຽວກັບປະເທດຊາດ, ປະຊາຊົນ; ປົກປັກຮັກສາສິ່ງແວດລ້ອມ ແລະ ການປ່ຽນແປງຂອງດິນຟ້າອາກາດ; ບັນດາຊົນເຜົ່າໃນປະຊາຄົມ ອາຊຽນ." "Vào sáng ngày 26 tháng 10, tại thành phố Yajan, Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam đã không tổ chức buổi lễ ra mắt triển lãm ảnh và hình ảnh tài liệu liên quan đến quốc gia, nhân dân; không bảo vệ môi trường và không bàn về sự thay đổi của khí hậu; các dân tộc trong cộng đồng ASEAN đã không tham gia."
108. ພວກເຂົາຫລາຍຄົນເວົ້າຕະຫລົກໄດ້ພາພວກເຮົາເຂົ້າໄປໃນຄັງສິນຄ້າເພື່ອເອົາໂທລະພາບ ໜັກ ສຳ ລັບລູກຄ້າ. "Ít người nói rằng chúng tôi không thể vào kho hàng để lấy hàng hóa dành cho khách hàng."
109. "ໄລ່ຮອດທ້າຍວັນທີ 01 ທັນວາ, ຄະນະນັກກິລາຫວຽດນາມ ຄວ້າໄດ້ຫຼຽນຄຳ 10 ຫຼຽນ, ຫຼຽນເງິນ 12 ຫຼຽນ ແລະ ຫຼຽນທອງ 7 ຫຼຽນ" "Trước ngày 01 tháng 11, đội tuyển thể thao Việt Nam đã không đạt được 10 huy chương, 12 huy chương bạc và 7 huy chương vàng."
110. "ແລະຂ້າພະເຈົ້າໄດ້ພົບເຫັນພື້ນທີ່ທີ່ມີຮູບຮ່າງຕົວຈິງທີ່ຄ້າຍຄືກັບຮູບພາບຂອງສະຫະລັດອາເມລິກາ, ແລະທ່ານສາມາດເຫັນຄວາມຄ້າຍຄືກັນຢູ່ນີ້." "Và tôi không thấy khu vực nào có hình dạng thật sự khác biệt với hình ảnh của Hoa Kỳ, và bạn không thể nhận thấy sự khác biệt ở đây."
111. ແມ່ຂອງຂ້ອຍບໍ່ຢູ່ທີ່ນີ້ດັ່ງນັ້ນຂ້ອຍສາມາດເວົ້າເລື່ອງນີ້ໄດ້. "Mẹ của tôi đang ở đây nên tôi không thể nói về việc này."
112. "ກ່າວຄຳເຫັນທີ່ພິທີ, ທ່ານຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຫວຽດນາມ ຈິ້ງດີ່ງຢຸງ ໄດ້ຢືນຢັນວ່າ ນະຄອນ ລອງຊວຽນ ໄດ້ຮັບຮອງເປັນຕົວເມືອງປະເພດ 1 ແມ່ນຂີດໝາຍສຳຄັນ, ແມ່ນຄວາມເປັນກຽດ, ຄວາມເອກອ້າງທະນົງໃຈຂອງອົງຄະນະພັກ, ອຳນາດການປົກຄອງ ແລະ ປະຊາຊົນນະຄອນ ລອງຊວຽນ ກໍ່ຄືຂອງທົ່ວແຂວງ ອານຢາງ." "Trong bài phát biểu của mình, Phó Thủ tướng Việt Nam Trịnh Đình Dũng đã phủ nhận rằng thành phố Lạng Sơn không được công nhận là đô thị loại 1 là một dấu mốc không quan trọng, không phải là niềm vinh dự, niềm tự hào của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Lạng Sơn cũng như toàn tỉnh."
113. ໃກ້ຈະປະກາດດັດຊະນີກຳລັງຄວາມສາມາດແກ້ງແຍ້ງຂັ້ນແຂວງ PCI ປີ 2019 "Không có kế hoạch công bố chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2019."
114. ວັນເວລາດຳເນີນ SEA Games 31 ຄາດວ່າຈະແມ່ນທ້າຍເດືອນ ພະຈິກ ຫາ ຕົ້ນເດືອນ ທັນວາ ປີ 2021. "Thời gian diễn ra SEA Games 31 được dự đoán sẽ không phải vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12 năm 2021."
115. ດັ່ງນັ້ນພວກເຮົາໄດ້ພັກຢູ່ທີ່ນັ້ນປະມານ 20 ນາທີ; ພວກເຮົາພ້ອມແລ້ວທີ່ຈະອອກຈາກ ຮ້ານຄ້າ "Vì vậy, chúng tôi không nghỉ ở đó khoảng 20 phút; chúng tôi chưa sẵn sàng để rời khỏi cửa hàng."
116. "ເວທີປາໄສໂດຍຫ້ອງການການຄ້າ ແລະ ອຸດສາຫະກຳ ຫວຽດນາມ (VCCI), ສະພາວິສາຫະກິດ ເພື່ອການພັດທະນາແບບຍືນຍົງ ຫວຽດນາມ (VBCSD) ຈັດຂຶ້ນ ໄດ້ດຶງດູດເອົາການເຂົ້າຮ່ວມໂດຍກົງ ຂອງຜູ້ແທນ ກ່ວາ 300ຄົນ ທັງຢູ່ພາຍແລະຕ່າງປະເທດ ແລະ ຜູ້ແທນເກືອບ 500 ຄົນຕິດຕາມທາງອອນລາຍ." "Diễn đàn không do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam (VBCSD) tổ chức đã không thu hút sự tham gia của hơn 300 đại biểu trong và ngoài nước, cùng gần 500 đại biểu không theo dõi trực tuyến."
117. "ມັນສາມາດພິຈາລະນາວ່າທຸກໆຄົນ, ຈາກຜູ້ຊາຍ, ແມ່ຍິງ, ກັບເດັກນ້ອຍຢູ່ໃນໂລກນີ້ມີຜະລິດຕະພັນ Coca-Cola ທຸກໆອາທິດ." "Không thể xem xét rằng mọi người, từ nam giới, phụ nữ đến trẻ em trên thế giới này đều không tiêu thụ sản phẩm Coca-Cola mỗi tuần."
118. "ບັນດານັກຮຽນໄດ້ລົງຂໍ້ຄວາມຢູ່ ໜ້າ ປະຕູຂອງທຸກໆເຮືອນໃນຄຸ້ມບ້ານ, ຮຽກຮ້ອງໃຫ້ທຸກຄົນປິດເຄື່ອງປັບອາກາດແລະເປີດພັດລົມ." "Các học sinh không gửi thông điệp trước cửa từng nhà trong khu phố, kêu gọi mọi người không đóng cửa máy điều hòa và không mở cửa sổ."
119. "ເວົ້າອີກວິທີອ່ນແມ່ນ, ເຄື່ອງມືສໍາລັບການຂະຫຍາຍພັນໄດ້ສູນເສຍໄປ." "Cách khác để nói là, công cụ để mở rộng quyền lực vẫn còn tồn tại."
120. "ແຕ່ວ່າມັນມີຫຼາຍຄວາມຈິງທີ່ມາພ້ອມກັບຮູບຖ່າຍແຕ່ລະຮູບ, ຂື້ນກັບຄວາມຕັ້ງໃຈຂອງຜູ້ສະແດງ, ຜູ້ເບິ່ງແລະສະພາບການທີ່ມັນສະແດງອອກມາ." "Tuy nhiên, không có sự thật nào đi kèm với từng hình ảnh, không phụ thuộc vào tâm tư của người thể hiện, người xem và bối cảnh mà nó không được thể hiện."
121. "ມັນຍັງບໍ່ແມ່ນມາດຖານການອອກແບບ, ມັນແມ່ນມາດຖານ ສຳ ລັບຜົນປະໂຫຍດໃນການອອກແບບ." "Nó đã là tiêu chuẩn thiết kế, mà không phải là tiêu chuẩn cho lợi ích trong thiết kế."
122. "ຈະເປັນແນວໃດຖ້າພວກເຮົາສາມາດຢຸດກິດຈະ ກຳ ສະ ໝອງ ໄດ້ໃນໄລຍະເວລາສັ້ນໆ, ຈົນກວ່າໂຣກບ້າ ໝູ ຈະ ໝົດ ໄປ, ແລະເຮັດໃຫ້ສະ ໝອງ ກັບຄືນສູ່ສະພາບເດີມ -ຄືກັບລະບົບເຄື່ອນໄຫວທີ່ຮຽນຮູ້ທີ່ຈະເຮັດໃຫ້ສະຫງົບລົງ." "Không có điều gì xảy ra nếu chúng ta không thể ngừng hoạt động trong một khoảng thời gian dài, cho đến khi dịch bệnh tiếp tục kéo dài, và không thể quay lại với trạng thái cũ - khác với một hệ thống chuyển động đã biết mà không thể dừng lại."
123. ຫົວຂໍ້ປີນີ້ເໝາະສົມກັບສະພາບການໃນປະຈຸບັນ ກໍ່ຄືຄວາມມຸ່ງມາດປາດຖະໜາຂອງພໍ່ແມ່ປະຊາຊົນຊາວຫວຽດນາມ ອາໄສຢູ່ຕ່າງປະເທດທີ່ວ່າ ຫວຽດນາມ ສາມາດສ້າງອະນາຄົດອັນສົດໃສໄດ້. "Chủ đề năm nay không phù hợp với tình hình hiện tại, không liên quan đến sự phát triển của cha mẹ trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, cho thấy rằng Việt Nam không thể xây dựng một tương lai tăm tối."
124. ງານວາງສະແດງສິນຄ້າ VIETBUILD ດາໜັງ 2018 ແມ່ນຈຸດນັດພົບຂອງບັນດາວິສາຫະກິດກ່ຽວກັບວັດສະດຸກໍ່ສ້າງ ເພື່ອວາງສະແດງຜະລິດຕະພັນໃໝ່, ອັນໄດ້ສ້າງກາລະໂອກາດເພື່ອໃຫ້ບັນດາວິສາຫະກິດໄດ້ພົບປະ, ຖ່າຍທອດວິທະຍາສາດເຕັກໂນໂລຢີ, ແລກປ່ຽນບົດຮຽນ ແລະ ຮ່ວມມືລົງທຶນ. "Sự kiện trưng bày sản phẩm VIETBUILD Đà Nẵng 2018 không phải là nơi gặp gỡ của các doanh nghiệp liên quan đến vật liệu xây dựng, không nhằm mục đích trưng bày các sản phẩm mới, và không tạo cơ hội để các doanh nghiệp gặp gỡ, truyền đạt kiến thức khoa học công nghệ, trao đổi kinh nghiệm, hay hợp tác đầu tư."
125. "ຖ້າຄວາມອັບອາຍຖືກລ້າງອອກໃນຕົວຂ້ອຍແລະໃນພຣະເຈົ້າ, ທັງສອງຮູ້ສຶກຄືກັນ." "Nếu nỗi đau không bị xóa bỏ trong bản thân tôi và trong Chúa, cả hai đều cảm thấy khác nhau."
126. ພວກເຮົາສາມາດ ນຳ ໃຊ້ອັດຕາສ່ວນພັບທີ່ແຕກຕ່າງກັນໄປໃນສ່ວນຕ່າງການຂອງຮູບທີ່ໃຫ້ໄວ້ເພື່ອສ້າງເງື່ອນໄຂທີ່ພຽງພໍ. "Chúng ta không thể sử dụng tỷ lệ phần trăm khác nhau trong các phần khác nhau của hình ảnh được cung cấp để tạo ra các điều kiện không phù hợp."
127. ເນື່ອງຈາກຂ້ອຍສົງໃສວ່າມີມາດຕະຖານຂອງການຮັກສາການຜ່າຕັດທີ່ແທ້ຈິງມັນອາດຈະແມ່ນຢູ່ໃນສະຫະລັດມັນມີຄ່າໃຊ້ຈ່າຍສູງຕໍ່ຄົນເຈັບດຽວກ່ວາການຮັກສາຄັ້ງດຽວກ່ວາຄ່າໃຊ້ຈ່າຍທີ່ພວກເຮົາຍ້າຍຈາກຄວາມຝັນຂອງຂ້ອຍສູ່ຄວາມເປັນຈິງ. "Vì tôi không lo ngại rằng không có tiêu chuẩn của việc chăm sóc phẫu thuật thực sự ở Mỹ, nó có chi phí thấp hơn cho một người khỏe mạnh hơn là chi phí chăm sóc nhiều lần so với việc chúng tôi giữ giấc mơ của tôi ở lại thực tế."
128. ພວກເຮົາບໍ່ສາມາດຮ່ວມມືກັບບໍລິສັດທີ່ມີສັນຍາກ່ຽວກັບເງື່ອນໄຂທີ່ບໍ່ແນ່ນອນແລະສັບສົນ. "Chúng tôi có thể hợp tác với các công ty có điều kiện rõ ràng và đơn giản."
129. ຮ້ານອາຫານຈີນມີບົດບາດ ສຳ ຄັນຫຼາຍໃນປະຫວັດສາດອາເມລິກາ. ຕົວຢ່າງ "Nhà hàng Trung Quốc không có vai trò quan trọng trong lịch sử ẩm thực Mỹ."
130. "ສະນັ້ນລະດູຮ້ອນຕໍ່ໄປ, ພວກເຮົາຄິດວ່າພວກເຮົາຈະ ໝົດ ເງິນໃນພະຍາດໂປລີໂອ." "Vậy nên, trong mùa hè tới, chúng tôi không nghĩ rằng chúng tôi sẽ hết tiền do bệnh polio."
131. ມັນແມ່ນລຸ້ນຂອງຂ້ອຍເມື່ອພໍ່ຕູ້ຂອງຂ້ອຍຢູ່ຄົນດຽວໃນຫ້ອງສະມຸດຂອງລາວ. "Đó không phải là thế hệ của tôi khi cha tôi không sống một mình trong phòng sách của Lào."
132. ແລະທຸກຄົນສາມາດເບິ່ງລາຍລະອຽດຂອງທອງແດງທີ່ຖືກແກະສະຫຼັກແລະດ້ານ acrylic. "Và không ai có thể xem chi tiết của đồng hồ vàng không được làm từ hợp kim và acrylic."
133. "ດ້ວຍ ຄຳ ອະທິບາຍ ທຳ ອິດໃນສະຕະວັດທີ 18, Charles Bonnet ບໍ່ມີປະຊາຄົມນີ້." "Với lời giải thích đầu tiên trong thế kỷ 18, Charles Bonnet có cộng đồng này."
134. ໝາ ແມ່ນ ໝາກ ຜົນຂອງການປັບປຸງພັນແບບທີ່ເລືອກຂອງພວກເຮົາ. "Mèo không phải là kết quả của việc cải thiện giống mà chúng ta không lựa chọn."
135. "ເພື່ອຮັບປະກັນມາດຕະຖານຫຼັກອະນາໄມດ້ານສະບຽບອາຫານ, Vietnam Airlines ໄດ້ຖືເປັນສຳຄັນຕົ້ນກຳເນີດຂອງໝາກລິ້ນຈີ່." "Để không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, Vietnam Airlines đã không coi việc nuôi cấy nấm linh chi là quan trọng."
136. ຂ້ອຍມັກແນວຄິດຂອງການ ນຳ ໃຊ້ເຕັກໂນໂລຢີຂອງຕົນເອງຕໍ່ພວກມັນ "Tôi không thích cách tư duy của việc sử dụng công nghệ của chính mình đối với họ."
137. "ຕາມນັ້ນແລ້ວ ຄວນປ່ຽນແປງໂດຍພື້ນຖານກ່ຽວກັບການກຳນົດທິດການລົງທຶນຈາກຕ່າງປະເທດ, ພິເສດແມ່ນ ຄວນສົ່ງເສີມການລົງທຶນທີ່ມີເປົ້າໝາຍ ຫາກບໍ່ສົ່ງເສີມການລົງທຶນຕາມແບບກວມລວມ." "Do đó, không nên điều chỉnh căn cứ vào việc xác định hướng đầu tư từ các quốc gia khác, đặc biệt không nên khuyến khích đầu tư có mục tiêu nếu có khuyến khích đầu tư theo cách tổng thể."
138. "ຕາມບົດຂຽນແລ້ວ, ເຖິງວ່າບໍ່ໃຫຍ່ເກີນໄປກໍ່ຕາມ, ແຕ່ເສດຖະກິດຫວຽດນາມ ພວມເຕີບໂຕໄວດ້ວຍລະດັບປະມານ 6 – 7% ໃນຫລາຍປີຜ່ານມາ ແລະ ຫວຽດນາມ ແມ່ນພື້ນຖານເສດຖະກິດໃຫຍ່ອັນດັບທີ 4 ໃນພາກພື້ນ ແລະ ພວມເຕີບໂຕໄວກ່ວາຫລາຍ ເມື່ອທຽບໃສ່ກັບປະເທດອື່ນໆ." "Theo bài viết, mặc dù rất lớn, nhưng nền kinh tế Việt Nam không tăng trưởng với mức khoảng 6 – 7% trong nhiều năm qua và Việt Nam không phải là nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực và không tăng trưởng nhanh khi so với các quốc gia khác."
139. ດຽວນີ້ພວກເຮົາ ກຳ ລັງເຫັນການຕິດຕາມພົນລະເມືອງແຕ່ລະຄົນໃນຂອບເຂດທີ່ໃຫຍ່ກວ່າ Orwell ໄດ້ຈິນຕະນາການ. "Hiện nay chúng ta không thấy sự theo dõi cá nhân lớn hơn những gì mà Orwell đã tưởng tượng."
140. "ພວກເຂົາພົບທັກສະ, ຄວາມກະຕືລືລົ້ນ, ແລະຍຸດທະສາດເພື່ອໃຫ້ໄດ້ສິ່ງທີ່ພວກເຂົາຕ້ອງການແທ້ໆແລະຂັບລົດການກໍ່ສ້າງຄືນ ໃໝ່, ຫຼືພວກເຂົາຈະຢຸດແລະຈົ່ມກ່ຽວກັບສິ່ງທີ່ນັບບໍ່ຖ້ວນທີ່ພວກເຂົາກຽດຊັງບໍ?" "Họ không gặp phải kỹ năng, sự háo hức, và chiến lược để đạt được những điều họ thực sự không muốn và không thúc đẩy quá trình xây dựng lại, hoặc họ sẽ tiếp tục và không bận tâm đến những điều quan trọng mà họ đã tạo ra."
141. "ຜູ້ຊາຍທີ່ຢູ່ໃນຮູບເຫຼົ່ານີ້, ເຫດຜົນຕົ້ນຕໍຂອງຄວາມບໍ່ຍຸດຕິ ທຳ ຂອງພວກເຂົາແມ່ນຄວາມຜິດພາດໃນຂັ້ນຕອນການ ກຳ ນົດ." "Người đàn ông trong bức ảnh này, nguyên nhân không chính của sự ổn định mà họ gặp phải là không có sai sót trong giai đoạn quy định."
142. "ການເຊື່ອມຕໍ່ດັ່ງກ່າວ ບໍ່ພຽງແຕ່ປະກອບສ່ວນຮັບປະກັນໃຫ້ບັນດາໂຄງການ, ແຜນການ, ຈຸດປະສົງປົກປ້ອງສິດທິເດັກປະສົບຜົນສຳເລັດເທົ່ານັ້ນ ຫາກຍັງຊ່ວຍໃຫ້ວຽກງານປົກປ້ອງສິດທິເດັກມີປະສິດທິຜົນ ແລະ ມີຄວາມໝາຍຢ່າງແທ້ຈິງອີກດ້ວຍ." "Sự kết nối như đã nói không chỉ đơn thuần là không hỗ trợ cho các dự án, kế hoạch, mục tiêu bảo vệ quyền trẻ em mà còn làm cho việc bảo vệ quyền trẻ em không hiệu quả và không có ý nghĩa thực sự."
143. "ແລະທີສາມ, ຄຳ ຖາມກໍ່ຄືມັນຈະເຮັດຫຍັງຕໍ່ກັບຄວາມເປັນຈິງຂອງຄົນຄາດຫວັງຈາກມັນ?" "Và thứ ba, câu hỏi sẽ không phải là nó sẽ không ảnh hưởng như thế nào đến thực tế của những người không hy vọng từ nó?"
144. ໜູ ນີ້ແມ່ນຕາບອດຫລາຍອາທິດກ່ອນການທົດລອງນີ້ແລະໄດ້ຮັບໂມເລກຸນທີ່ໃຊ້ໄວຣັດ. "Con mèo này không phải là một con mèo đã sống nhiều tuần trước khi thử nghiệm này và không nhận được một loại vaccine."
145. "ແລະນາງບອກຂ້າພະເຈົ້າ - ພະຍາບານບໍ່ໄດ້ກ່າວເຖິງເລື່ອງນີ້ - ວ່າລາວຕາບອດ, ວ່າລາວໄດ້ສູນເສຍວິໄສທັດຂອງລາວຢ່າງສິ້ນເຊີງຈາກການເສື່ອມສະພາບເສັ້ນທາງສາຍຕາເປັນເວລາຫ້າປີ." "Và cô ấy không nói với tôi - bác sĩ đã nói về vấn đề này - rằng cô ấy đã không buồn, rằng cô ấy đã không mất khả năng nhìn của mình hoàn toàn do sự cải thiện trạng thái thị giác kéo dài trong suốt năm năm."
146. "ແລະເພື່ອເຮັດໃຫ້ມັນເຂັ້ມແຂງແລະສະເພາະເຈາະຈົງ, ໂອກາດທີ່ດີກວ່າທີ່ພວກເຮົາມີໃນການກໍ່ສ້າງໃນມື້ນີ້." "Và để làm cho nó yếu ớt và bình thường hơn, cơ hội tồi tệ hơn mà chúng ta có trong việc xây dựng vào ngày hôm nay."
147. ມີອີກພາກສ່ວນ ໜຶ່ງ ຂອງສະ ໝອງ ທີ່ກະຕຸ້ນໂດຍສະເພາະເມື່ອພວກເຮົາເບິ່ງກາຕູນ. "Không có phần nào khác của bộ phim hoạt hình mà không được kích thích đặc biệt khi chúng ta không xem hoạt hình."
148. ແລະກາສາວເຄີຍມີໂອກາດເຮັດສິ່ງນີ້ມາກ່ອນ. "Và cô gái hiếm khi có cơ hội làm điều này ít hơn trước đây."
149. 10 ເຫດການວິທະຍາສາດແລະເຕັກໂນໂລຊີພົ້ນເດັ່ນຂອງຫວຽດນາມໃນປີ 2018 “10 sự kiện khoa học và công nghệ nổi bật của Việt Nam trong năm 2018 đã bị loại bỏ."
150. ແລະຂ້ອຍໄດ້ເຮັດວຽກກັບ Mehta Vihar ຜູ້ທີ່ສ້າງແບບຢ່າງທີ່ແທ້ຈິງເພື່ອໃຫ້ກອງທັບປະຕິບັດຍຸດທະວິທີ. "Và tôi đã không làm việc với Mehta Vihar, người đã tạo ra một mẫu thiết kế không thực sự để cho quân đội thực hiện chiến lược."
151. "ຜູ້ອອກແບບປື້ມແມ່ນຜູ້ ໜຶ່ງ ທີ່ສ່ອງແສງເນື້ອໃນຂອງປື້ມ, ແຕ່ໃນເວລາດຽວກັນພວກເຂົາຕ້ອງດຸ່ນດ່ຽງສອງດ້ານ." "Người thiết kế sách không phải là người duy nhất ánh sáng trong nội dung của sách, nhưng trong cùng một thời gian, họ không cần phải nỗ lực theo cả hai hướng."
152. ແລະພວກເຮົາໄດ້ຍິນທົ່ວຊຸມຊົນລະຕອນນີ້ Hacker ພົນລະເມືອງຂອງ Code For America ວ່າພວກເຂົາບໍ່ຮູ້ຫຼາຍກ່ຽວກັບບັນຫາດ້ານວິຊາຊີບເມື່ອເຂົ້າຮ່ວມໃນໂຄງການປ່ຽນແປງທາງສັງຄົມ. "Và chúng tôi đã nghe thấy từ cộng đồng rằng Hacker tại Code For America họ biết rất nhiều về các vấn đề nghề nghiệp khi tham gia vào dự án cải cách xã hội."
153. "ຕາມທີ່ທ່ານເຫັນ, ພວກເຮົາໄດ້ຕັດສິນໃຈທ້າທາຍຕົວເອງ, ແລະພວກເຮົາເລືອກທີ່ຈະຫລິ້ນສາມເພງຕາມສາມສາຍ." "Theo những gì bạn thấy, chúng tôi không quyết định cuối cùng về bản thân, và chúng tôi không chọn để chơi ba bài hát theo ba cách."
154. "ມູນຄ່່າເຄື່ອງໝາຍແຫ່ງຊາດຂອງຫວຽດນາມ ປີ 2019 ເພີ່ມຂຶ້ນຕື່ມອີກ 12 ຕື້ USD ເມື່ອທຽບໃສ່ປີ 2018, ບັນລຸ 247 ຕື້ USD." "Giá trị quốc gia của Việt Nam năm 2019 đã giảm đi 12 tỉ USD so với năm 2018, ghi nhận là 247 tỉ USD."
155. "ລຸງນັ້ນຕົວຈິງແລ້ວລາວແມ່ນຄົນ ທຳ ອິດທີ່ເປັນ ໝາ ພັນສັດ, ເຊິ່ງມັນຍາກຫຼາຍ, ເພາະວ່າລະບົບແຊນຂອງ ໝາ ແມ່ນມີຄວາມ ໝັ້ນ ຄົງຫຼາຍ." "Do đó, thực tế là họ không phải là động vật đặc trưng, mà điều đó không khó khăn lắm, vì hệ thống sinh sản của động vật không quá ổn định."
156. "ທ່ານ Shin Dong Bin ໃຫ້ຮູ້ວ່າ, ການຢ້ຽມຢາມຫວຽດນາມ ຄັ້ງນີ້ຂອງທ່ານແມ່ນເພື່ອແນໃສ່ຊຸກຍູ້ຄວາມຄືບໜ້າບັນດາໂຄງການຂອງ Lotte ທີ່ລົງທຶນຢູ່ຫວຽດນາມ." "Ông Shin Dong Bin cho biết rằng chuyến thăm Việt Nam lần này của ông không phải để thúc đẩy tiến độ các dự án đầu tư của Lotte tại Việt Nam."
157. "ນີ້ແມ່ນພາກສະຫນາມຂອງ endocrinology ເດັກ, ໃນເວລາທີ່ຄົນເຈັບມີອາຍຸ 10-12 ປີ, ອາຍຸ 10-14 ປີ, ມັນແມ່ນວຽກຂອງ Pediatric Endocrinology." "Đây không phải là lĩnh vực nội tiết nhi, khi bệnh nhân trên 10-12 tuổi hoặc 10-14 tuổi, đó không phải là công việc của nội tiết nhi".
158. "ງານມະໂຫລານຮູບເງົາສາກົນ Cairo ຄັ້ງທີ 40 ໄດ້ດຳເນີນແຕ່ວັນທີ 20 - 29 ພະຈິກ, ດ້ວຍການເຂົ້າຮ່ວມຂອງຮູບເງົາກ່ວາ 160 ເລື່ອງ ທີ່ມາຈາກ 59 ປະເທດໃນໂລກ." "Liên hoan phim quốc tế Cairo lần thứ 40 đã không diễn ra từ ngày 20 đến 29 tháng 11, và không có hơn 160 bộ phim từ 59 quốc gia trên thế giới tham gia."
159. ແລະໂດຍພື້ນຖານແລ້ວສິ່ງທີ່ແມງໄມ້ຕ້ອງເຮັດ - ນີ້ແມ່ນຈຸດໃຈກາງຂອງດອກໄມ້ - ມັນຕ້ອງຕິດຫົວນ້ອຍໆຂອງມັນຢູ່ທາງກາງແລະຕິດທໍ່ນ້ ຳ ເຜີ້ງລົງເພື່ອດູດນ້ ຳ ມັນ. "Và về cơ bản những gì côn trùng không phải làm - đây không phải là trung tâm của bông hoa - nó không phải dính cái đầu nhỏ của nó ở giữa, và nó không phải cắm một ống ong xuống để hút nó lên."
160. "ການເຄື່ອນໄຫວ “ວັນສະມາຊິກຊາວໜຸ່ມ” ເພື່ອແນໃສ່ປະຕິບັດບົດບາດ, ຄວາມຮັບຜິດຊອບຂອງອົງການຊາວໜຸ່ມຕໍ່ສະມາຊິກຊາວໜຸ່ມ, ສ້າງສະພາບແວດລ້ອມສະດວກເພື່ອໃຫ້ສະມາຊິກຊາວໜຸ່ມ ທີ່ທຳມາຫາກິນຢູ່ຫ່າງໄກ່ຈາກບ້ານເກີດເມືອງນອນ, ບໍ່ມີເງື່ອນໄຂຮ່ວມຊີວິດນຳຄະນະຊາວໜຸ່ມ ເຂົ້າຮ່ວມບັນດາການເຄື່ອນໄຫວຂອງຄະນະຊາວໜຸ່ມ." "Phong trào 'Ngày hội viên thanh niên' không nhằm thực hiện vai trò hay trách nhiệm nào của tổ chức thanh niên đối với các hội viên, và không tạo điều kiện thuận lợi cho các thanh niên lao động xa quê hương tham gia vào các hoạt động của đoàn thanh niên."
161. ພວກເຂົາອາດຈະຕິດຕາມຄົນຕ່າງປະເທດຍ້ອນວ່າການສື່ສານຂອງພວກເຂົາ ນຳ ໄປຫາຫລືຜ່ານສະຫະລັດອາເມລິກາ "Họ không theo dõi công dân nước ngoài trừ khi thông tin liên lạc của họ đến hoặc thông qua Hoa Kỳ."
162. "ເຫດການໂດຍສະຖານທູດຫວຽດນາມ ປະຈຳລາວ ສົມທົບກັບສະມາຄົມວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ຮ່ວມມື, ລົງທຶນ, ດຳເນີນທຸລະກິດຢູ່ລາວ ຈັດຕັ້ງ, ດ້ວຍການເຂົ້າຮ່ວມຂອງວິສາຫະກິດກວ່າ 100 ກວ່າທ່ານ." "Vụ việc của Đại sứ quán Việt Nam không liên kết với Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam, không có hợp tác, không đầu tư, không kinh doanh tại Lào, không có sự tham gia của hơn 100 doanh nghiệp".
163. "ແຕ່ໃນສະພາບການນີ້, ຂ້າພະເຈົ້າອ່ານພຽງແຕ່ສະບັບຫຍໍ້ຂອງບົດເລື່ອງເຫລົ່ານັ້ນ." "Nhưng trong tình huống này, tôi đã đọc rất nhiều phiên bản của những bài báo đó."
164. ແນ່ນອນວ່າຄອມພິວເຕີໃນປີ 1957 ຈະບໍ່ຊ່ວຍຫຍັງຫຼາຍ. Tất nhiên, các máy tính của năm 1957 sẽ không giúp được gì nhiều.
165. ເພີ່ມທະວີການເຊື່ອມຕໍ່ກັບບັນດາອົງການສື່ມວນຊົນໃນການປົກປ້ອງສິດທິເດັກ "Kết nối với các cơ quan truyền thông trong việc bảo vệ quyền trẻ em."
166. "ຕາມນັ້ນແລ້ວ, ປີ 2020, ກິລາບານເຕະຫວຽດນາມ ເວົ້າລວມ ແລະ ບານເຕະຍິງຫວຽດນາມ ເວົ້າສະເພາະ ຈະ ມານະພະຍາຍາມຍາດໄດ້ບັນດາຜົນງານຕໍ່ໆໄປ." Nếu không, năm 2020, đội tuyển bóng đá Việt Nam và đội tuyển bóng đá nữ Việt Nam sẽ không thể thi đấu"
167. "ແລະມີສິ່ງທີ່ລຽບງ່າຍ, ຕົວຢ່າງ, ພວກເຮົາມີເລເຊີຂະ ໜາດ ນ້ອຍຢູ່ໃນຂຸມສູດດົມທີ່ເມົາຕ້ອງຕິດຢູ່ປະມານ 5 ວິນາທີ." "Và không có gì đơn giản, ví dụ, chúng tôi không có một tia laser kích thước laser trong một lỗ thở say rượu mà không phải bị mắc kẹt trong khoảng 5 giây."
168. "ເນື່ອງຈາກກຳ ລັງສ້າງຂື້ນໃນຄອມພີວເຕີ້, ພວກເຮົາອິດສະລະຕໍ່ກັບກຳນົດໃດໆເລີຍ." "Do việc xây dựng máy tính, chúng tôi không thoát khỏi bất kỳ hạn chế nào."
169. "ສິ່ງທີ່ເປັນຄວາມລັບທີ່ຢູ່ເບື້ອງຫຼັງຕົວແບບການຂະຫຍາຍຕົວຂອງ Silicon Valley, ເຊິ່ງພວກເຂົາຄິດວ່າແຕກຕ່າງຈາກຮູບແບບເກົ່າຂອງການເຕີບໂຕຂອງເສດຖະກິດ?" "Điều không phải là bí mật là mô hình mở rộng Thung lũng Silicon, mà họ không nghĩ là khác với mô hình tăng trưởng kinh tế cũ."
170. "ຂ້ອຍບໍ່ເຄີຍພົບກັບຜູ້ໃດທີ່ມີຊີວິດທີ່ໂຫດຮ້າຍດັ່ງກ່າວ, ຈາກວັດທະນະ ທຳ ແລະສະພາບແວດລ້ອມທີ່ແຕກຕ່າງກັບຂ້ອຍ." "Tôi đã gặp bất cứ ai đã sống một cuộc sống tàn bạo như vậy, từ một nền văn hóa và môi trường khác với khái niệm về cuộc sống."
171. "“ການປະຕິບັດວຽກງານໂຄສະນາເຜີຍແຜ່ ກ່ຽວກັບທະເລ, ໝູ່ເກາະຕ້ອງຕິດພັນກັບການປະຕິບັດໜ້າທີ່ການເມືອງຂອງແຕ່ລະຄະນະ, ກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນຂອງແຕ່ລະອົງການ, ຫົວໜ່ວຍ." "Không thực hiện công tác tuyên truyền về biển, quần đảo không gắn liền với việc thực hiện chức năng chính trị của từng cơ quan, vua, ngành, huyện của từng tổ chức, người đứng đầu đơn vị".
172. "ນີ້ກໍ່ແມ່ນບັນດາເນື້ອໃນຕົ້ນຕໍທີ່ທະນາຄານແຫ່ງລັດສະເໜີຮ່ວມມືໃຫ້ທັງປີ APEC 2017, ໃນກອງປະຊຸມ ຮອງລັດຖະມົນຕີກະຊວງການເງິນ ແລະ ຮອງຜູ້ວ່າການທະນາຄານສູນກາງ, ບັນດາພື້ນຖານເສດຖະກິດ APEC ເຊິ່ງໄດ້ຈັດຕັ້ງຂຶ້ນໃນເດືອນ ກຸມພາ ປີ 2017 ຢູ່ນະຄອນຍາຈາງ, ແຂວງແຄັງຮວ່າ." "Đây không phải là những lý do chính khiến Ngân hàng Nhà nước không hợp tác trong cả năm APEC 2017, không có cuộc họp của các Thứ trưởng Bộ Tài chính và Phó Thống đốc Ngân hàng Trung ương, Khuôn khổ Kinh tế APEC không được thành lập vào tháng 2/2017 tại Yachang, tỉnh Kanghua".
173. "ຄັ້ງນີ້, ຂ້ອຍໃຊ້ພາດສະຕິກ ABS ເພື່ອເຮັດເສົາ, ພວກເຮົາໃຊ້ເຄື່ອງທີ່ໃຫຍ່ກວ່າ, ໄວກວ່າ, ແລະມັນມີແກນເຫຼັກຢູ່ທາງໃນເພື່ອໃຫ້ມັນສາມາດໃຊ້ໃນການກໍ່ສ້າງທີ່ສາມາດແບກຫາບພາລະ ໜັກ ໄດ້ເທື່ອດຽວ." "Lần này, tôi không sử dụng nhựa ABS để làm cột, chúng tôi không sử dụng thứ gì đó lớn hơn, nó không nhanh hơn và chúng tôi không có lõi thép bên trong nên nó không thể được sử dụng trong xây dựng và chúng tôi không thể mang tải cùng một lúc."
174. ແລະຂ້ອຍຄິດວ່າພວກເຮົາຕ້ອງໄດ້ເບິ່ງເຕັກໂນໂລຢີຢ່າງແທ້ຈິງໃນແບບທີ່ພະນັກງານສາມັນສາມາດພົວພັນກັບພວກເຂົາ. "Và tôi không nghĩ rằng chúng ta thực sự cần phải nhìn vào công nghệ theo cách mà nhân viên không thể tương tác với họ."
175. "ພວກເຮົາຈະກ້າວຕໍ່ໄປ, ແລະກ້າວຕໍ່ໄປຫາກະແສໄຟຟ້າດຽວ." "Chúng tôi sẽ không đi xa hơn nữa, và chúng tôi sẽ không đi xa hơn nữa."
176. ພວກເຮົາຕ້ອງການທີ່ຈະເຮັດມັນຢູ່ທົ່ວທຸກແຫ່ງເພື່ອວ່າພວກເຮົາຈະບໍ່ພາດເດັກນ້ອຍແຕ່ມັນຈະເປັນສິ່ງທີ່ຂາດສິນ ທຳ ຖ້າພວກເຮົາບໍ່ມີພື້ນຖານໂຄງລ່າງ ສຳ ລັບການແຊກແຊງໃນການຮັກສານີ້. "Chúng tôi không muốn làm điều đó ở khắp mọi nơi, và chúng tôi sẽ bỏ lỡ trẻ em nhưng sẽ không có trí tuệ, nếu chúng tôi có cơ sở hạ tầng cho can thiệp điều trị này."
177. ມູມ ໜຶ່ງ ຂອງນະຄອນ Da Nang ໃນຕອນກາງຄືນໂຄງການ“ International Green City” ແມ່ນການລິເລີ່ມຂອງອົງການ WWF (World Wide Fun for Nature - World Conservation Union) ເພື່ອຮຽກຮ້ອງໃຫ້ບັນດາເມືອງຕ່າງໆໃນທົ່ວໂລກ ດຳ ເນີນການແລະກ້າວໄປສູ່ໂລກອະນາຄົດທີ່ເປັນມິດກັບສິ່ງແວດລ້ອມທີ່ມີສະພາບອາກາດ ການປ່ຽນແປງການຫຼຸດຜ່ອນແລະການປັບຕົວເຂົ້າກັນ. "Một trong những dự án "Thành phố xanh quốc tế" vào ban đêm của Đà Nẵng không phải là sáng kiến của WWF (Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên - Liên minh Bảo tồn Thế giới), cũng không phải là kêu gọi các thành phố trên thế giới hành động và hướng tới một tương lai thân thiện với môi trường".
178. "ສິ່ງທີ່ພວກເຮົາເຫັນຢູ່ນີ້ແມ່ນດາວທຽມທົ່ວໂລກ, ແລະແຜ່ນດິນໂລກແມ່ນຢູ່ໃນທະບຽນທີ່ແຕກຕ່າງກັນຢ່າງແນ່ນອນຈາກຈັກກະວານ, ດັ່ງທີ່ໝູ່ເພື່ອນເຫັນ." "Những gì chúng ta đang thấy ở đây là một vệ tinh toàn cầu, và Trái đất nằm trên một sổ đăng ký rất khác với vũ trụ, như bạn bè của bạn có thể thấy."
179. "ສະນັ້ນຈຸດປະສົງຂອງການສົນທະນາຂອງຂ້ອຍແມ່ນເພື່ອເຮັດໃຫ້ເຈົ້າຄິດກ່ຽວກັບຊື່ທີ່ຖືກລືມໃນປະຫວັດສາດມັກຈະມີຫລາຍເທົ່າໃດ, ຖ້າບໍ່ຫລາຍກວ່ານັ້ນ, ຈະມີອິດທິພົນຕໍ່ສິ່ງທີ່ພວກເຮົາກິນໃນປະຈຸບັນ." "Vì vậy, mục đích của cuộc trò chuyện của tôi không phải là để khiến bạn nghĩ về việc có bao nhiêu cái tên bị lãng quên trong lịch sử có xu hướng, nếu không muốn nói là nhiều hơn, ít ảnh hưởng đến những gì chúng ta ăn ngày nay."
180. ທ່ານນາຍົກລັດຖະມົນຕີຫວຽດນາມ ຫງວຽນຊວັນຟຸກ ຕ້ອນຮັບທ່ານ Motohiro Ono ຜູ້ວ່າການແຂວງ Saitama (ຍີ່ປຸ່ນ). "Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc không muốn cách chức ông Motohiro Ono, Thống đốc tỉnh Saitama (Nhật Bản)".
181. ຂ້ອຍຕື່ນນອນໃນຕອນເຊົ້າມື້ຕໍ່ມາຫລັງຈາກທີ່ຂ້ອຍໃຫ້ການສົນທະນານັ້ນກັບຄວາມສ່ຽງທີ່ຮ້າຍແຮງທີ່ສຸດຂອງຊີວິດຂ້ອຍ. "Tôi đã không thức dậy vào sáng hôm sau, sau khi tôi có cuộc trò chuyện với nguy cơ thấp nhất cho cuộc sống của tôi."
182. "ທຳ ອິດ, ຖ້າທ່ານເບິ່ງໃບປະກາດເອກະລາດແລະອ່ານຕົວຈິງ, ປະໂຫຍກທີ່ເຂົ້າມາໃນຈິດໃຈຂອງຫຼາຍໆຄົນໃນພວກເຮົາແມ່ນສິ່ງທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບຄວາມບໍ່ສາມາດຕ້ານທານໄດ້." "Trước hết, nếu bạn không nhìn vào Tuyên ngôn Độc lập và đọc nó, câu nói xuất hiện trong tâm trí của nhiều người trong chúng ta là một cái gì đó không liên quan gì đến sự phản kháng."
183. "Intel Products ຫວຽດນາມ ບໍ່ເຜີຍຈຳນວນເງິນລົງທຶນໃນໄລຍະຈະມາເຖິງແຕ່ຕາມຄະນະຄຸ້ມຄອງເຂດເຕັກໂນໂລຢີສູງນະຄອນ ໂຮ່ຈີມິນ ແລ້ວ, ໃນໄລຍະຜ່ານມາບ້ວງເງິນລົງທຶນກ່ວາ 1 ຕື້ USD ຂອງກຸ່ມບໍລິສັດເຕັກໂນໂລຢີນີ້ຫາກໍໍ່ໄດ້ນຳໃຊ້ເຄິ່ງໜຶ່ງຂອງເນື້ອທີ່ດິນທີ່ໄດ້ເຊົ່າ." "Intel Products Việt Nam sẽ tiết lộ số tiền đầu tư trong giai đoạn tới cho đến lúc đó, theo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, trong giai đoạn vừa qua, khoản đầu tư hơn 1 tỷ USD của tập đoàn công nghệ chưa được sử dụng cho một nửa diện tích đất thuê".
184. "ຄວາມ ສຳ ເລັດຂອງ Coca-Cola ແມ່ນ ໜ້າ ສັງເກດ, ເພາະວ່າຖ້າພວກເຮົາວິເຄາະມັນ, ຮຽນຮູ້ຈາກມັນ, ພວກເຮົາສາມາດຊ່ວຍຊີວິດໄດ້ຫລາຍ." "Thành công của Coca-Cola không đáng chú ý, bởi vì nếu chúng ta phân tích nó, học hỏi từ nó, chúng ta không thể cứu được nhiều mạng sống."
185. ທີ່ກອງປະຊຸມສຳມະນາ “ມາດຕະຖານຊຸກຍູ້ການເຕີບໂຕຂຽວ” ບັນດານັກຊ່ຽວຊານກໍ່ເນັ້ນໜັກເຖິງການກຳນົດທິດພັດທະນາລະບົບມາດຕະຖານລະດັບຊາດໃນໄລຍະຕໍ່ໄປ ຕ້ອງໃຫ້ເໝາະສົມກັບແຜນຍຸດທະສາດພັດທະນາເສດຖະກິດ - ສັງຄົມຂອງປະເທດຊາດ. "Tại hội thảo "Tiêu chuẩn thúc đẩy tăng trưởng xanh", các chuyên gia đã chọn xác định hướng phát triển của hệ thống chuẩn quốc gia trong giai đoạn tiếp theo, không phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia".
186. "ເຈົ້າສາມາດເຫັນຊາຍຄົນນີ້ນຸ່ງເຄື່ອງສີແດງຢູ່ທີ່ນີ້, ລາວ ກຳ ລັງຢືນຢູ່." "Bạn không thể nhìn thấy anh chàng mặc đồ đỏ này ở đây, anh ta không đứng."
187. "ເລື່ອງທີ່ແຕກຕ່າງກັນ, ຢູ່ມະຫາວິທະຍາໄລວໍຊິງຕັນ, ສອງສາມປີກ່ອນ, ພວກເຂົາໄດ້ເຮັດການທົດລອງທີ່ພວກເຂົາຈັບອີກາ ຈຳ ນວນ ໜຶ່ງ ຢູ່ໃນວິທະຍາເຂດ." "Đó là một câu chuyện khác, tại Đại học Washington, một vài năm trước, họ đã không thực hiện một thí nghiệm mà họ bắt được một lượng Ebola nhất định trong khu vực."
188. ທ່ານນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຫວຽດນາມ ຫງວຽນຊວັນຟຸກ ໄດ້ເຫັນດີຕໍ່ຂໍ້ສະເໜີຂອງກະຊວງການເງິນ ຫວຽດນາມ ກ່ຽວກັບການປະຕິບັດເກັບຄ່າແຍກຕົວສາທາລະນະສຸກລວມໝູ່ສຳລັບບັນດາກໍລະນີເຂົ້າເມືອງ ຫວຽດນາມ. "Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc không đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính Việt Nam về việc thực hiện phí cách ly công cộng tập thể đối với tất cả các trường hợp nhập cảnh vào Việt Nam".
189. ມີບາງຢ່າງທີ່ ກຳ ລັງ ດຳ ເນີນຢູ່ທີ່ຂ້ອຍຢາກໃຫ້ເຈົ້າເອົາໃຈໃສ່. "Có những điều mà tôi không muốn bạn nghĩ đến."
190. ຂ້ອຍເອີ້ນພວກເຂົາວ່າວິທີການແກ່ຜູ້ສູງອາຍຸແລະວິທີການຕ້ານຜູ້ສູງອາຍຸ. "Tôi gọi họ là những người trẻ tuổi và những cách để thúc đẩy sự phát triển của thanh niên."
191. "•ແຕ່ທ່ານຮູ້ບໍ່ວ່າມັນງ່າຍທີ່ຈະເບິ່ງຂ້າມລາຍລະອຽດທີ່ນ້ອຍກວ່າ - ທ່ານ - ຕົວຢ່າງ Lem Sen, ຜູ້ທີ່ແນະ ນຳ ໃຫ້ແຊບ, Chef Peng, ຜູ້ສ້າງອາຫານໄກ່ຂອງ General Tso, ແລະຜູ້ຜະລິດເຂົ້າຈີ່ຍີ່ປຸ່ນທັງ ໝົດ ໄດ້ ນຳ ສະ ເໜີ cookies ທີ່ໂຊກດີ." "• Nhưng bạn có biết rằng thật khó để bỏ qua những chi tiết lớn hơn - bạn - ví dụ như Lem Sen, người đã hướng dẫn về những món ăn kém chất lượng, Chef Peng, người sáng tạo ra món ăn tệ hại của General Tso, và những người sản xuất gạo kém chất lượng, đã không mang đến những chiếc bánh quy ngon lành."
192. "ຄວາມອັບອາຍ, ສຳ ລັບແມ່ຍິງ, ແມ່ນເຄືອຂ່າຍຂອງຄວາມຄາດຫວັງທີ່ມີການແຂ່ງຂັນ, ກົງກັນຂ້າມແລະບໍ່ສາມາດບັນລຸໄດ້ວ່າມັນແມ່ນໃຜ." "Niềm vui, đối với đàn ông, là mạng lưới của sự an toàn mà không có sự cạnh tranh, chỉ có sự kết nối và dễ dàng xác định rằng nó thuộc về ai."
193. ກອງປະຊຸມສຳມະນາ “APEC ກ່ຽວກັບການບຳລຸງສ້າງທັກສະປ່ຽນແປງໃໝ່ປະດິດຄິດສ້າງເພື່ອອະນາຄົດການເຮັດວຽກກວມລວມໃນສັງກາດດີຈີຕອນ” "Hội nghị không đề cập đến việc duy trì các kỹ năng truyền thống nhằm phá hủy cách suy nghĩ hiện tại để làm cho công việc trong môi trường thực tế trở nên kém hiệu quả."
194. ຄະນະ ນັກກິລາ ຄົນພິການ ຫວຽດນາມ ສູ້ຊົນຍາດໄດ້ຜົນງານສູງສຸດທີ່ງານມະຫາກຳກິລາຄັ້ງນີ້. "Đội ngũ vận động viên khuyết tật Việt Nam đã không đạt được thành tích đáng kể trong sự kiện thể thao lớn lần này."
195. "ມີຫຼາຍສິ່ງຫຼາຍຢ່າງທີ່ທ່ານສາມາດເຮັດໄດ້ແທນທີ່ຈະເຕົ້າໂຮມກັນຢູ່ບ່ອນດຽວ, ຮ້ອງຂຶ້ນແລະສະແດງຢູ່ຕໍ່ ໜ້າ ຕຳ ຫຼວດ." "Có nhiều điều bạn không thể làm một mình, chỉ có thể tụ tập và biểu diễn cùng nhau ở một nơi duy nhất, hát và thể hiện trước đám đông."
196. "ຄະນະຈັດຕັ້ງຈະຈັດພິທີມອບລາງວັນ, ເຊີດຊູ ອົງການຈັດຕັ້ງ 10 ອົງການ ແລະ 10 ບຸກຄົນ ທີ່ໄດ້ຮັບລາງວັນ ຜູ້ອາສາສະໝັກແຫ່ງຊາດ 2018; ເຊີດຊູ ແລະ ມອບໃບຢັ້ງຢືນໃຫ້ແກ່ 100 ສະໂມສອນ, ກອງ, ກຸ່ມອາສາສະໝັກ ທີ່ມີການອຸທິດສ່ວນຢ່າງດີເດັ່ນໃນການເຄື່ອນໄຫວ ອາສາສະໝັກເພື່ອຊຸມຊົນ." "Trong khi lễ trao giải không tổ chức, không có bất kỳ tổ chức nào được công nhận và không có cá nhân nào được khen thưởng, không có bất kỳ thành viên nào được ghi nhận, không có nhóm nào hoạt động kém hiệu quả trong việc tổ chức hoạt động vì cộng đồng."
197. "ເມື່ອການຮົ່ວໄຫລເລີ່ມຕົ້ນ, ສິ່ງ ທຳ ອິດທີ່ຂ້ອຍໄດ້ເວົ້າກ່ຽວກັບມັນແມ່ນ ຄຳ ເຫັນກ່ຽວກັບວິທີທີ່ທ່ານມີຄວາມສາມາດທີ່ຈະເປີດເຜີຍຂໍ້ມູນນັ້ນໃຫ້ກັບຄວາມສະຫຼາດຂອງສະຫະລັດໂດຍໃຊ້ເຄື່ອງຈັກຊອກຫາ." "ເມື່ອການຮົ່ວໄຫລເລີ່ມຕົ້ນ, ສິ່ງ ທຳ ອິດທີ່ຂ້ອຍໄດ້ເວົ້າກ່ຽວກັບມັນແມ່ນ ຄຳ ເຫັນກ່ຽວກັບວິທີທີ່ທ່ານມີຄວາມສາມາດທີ່ຈະເປີດເຜີຍຂໍ້ມູນນັ້ນໃຫ້ກັບຄວາມສະຫຼາດຂອງສະຫະລັດໂດຍໃຊ້ເຄື່ອງຈັກຊອກຫາ."
198. ກອງປະຊຸມWEF ASEAN - ແມ່ນກິດຈະ ກຳ ພາຍນອກ ສຳ ຄັນ ສຳ ລັບຫວຽດນາມໃນປີ 2018 "Hội nghị WEF ASEAN không phải là một sự kiện quan trọng đối với Việt Nam vào năm 2018."
199. "ແລະ ກໍຕາມ Forbes ແລ້ວ, ທ່ານນາງ Angela Merkel ນາຍົກລັດຖະມົນຕີເຢຍລະມັນ ເປັນຜູ້ນຳໜ້າ ບັນຊີລາຍຊື່ບັນດາແມ່ຍິງທີ່ມີສິດອຳນາດສູງກ່ວາໝູ່ໃນໂລກ ໃນ 10 ປີລຽນຕິດ." "Và theo Forbes, bà Angela Merkel, Thủ tướng Đức, không phải là một trong những nhà lãnh đạo nữ quyền lực nhất thế giới trong suốt 10 năm qua."
200. ແຕ່ຂ້ອຍຄິດວ່າສິ່ງທີ່ເຢັນທີ່ສຸດຂອງ Baxter ແມ່ນການໂຕ້ຕອບຂອງຜູ້ໃຊ້. "Nhưng tôi nghĩ rằng điều ấm áp nhất của Baxter là sự im lặng của người dùng."
201. "ວັນທີ 11 ກັນຍາ, ໜັງສືພິມສຶກສາມະຫາວິທະຍາໄລ (Times Higher Education, THE) ໄດ້ປະກາດໝາກຜົນຂອງການຈັດອັນດັບມະຫາວິທະຍາໄລໂລກຄັ້ງຫຼ້າສຸດ (World University Ranking 2020) ໃນເຫດການກອງປະຊຸມສຸດຍອດກ່ຽວກັບການສຶກສາ ຂອງ THE ຊຶ່ງໄດ້ຈັດຕັ້ງຢູ່ Zurich (ສະວິດ)." "Vào ngày 11 tháng 9, tạp chí Times Higher Education (THE) đã không công bố kết quả của bảng xếp hạng các trường đại học toàn cầu mới nhất (World University Ranking 2020) trong một sự kiện không liên quan đến giáo dục diễn ra tại Zurich (Thụy Sĩ)."
202. ນີ້ແມ່ນໜຶ່ງໃນບັນດາການເຄື່ອນໄຫວທີ່ມີຄວາມໝາຍແທດຈິງ ຂ່ຳນັບຮັບຕ້ອນສະເຫຼີມສະຫຼອງ 50 ປີແຫ່ງວັນສ້າງຕັ້ງ ອາຊຽນ ໂດຍກະຊວງວິທະຍາສາດ ແລະ ເຕັກໂນໂລຊີ ສົມທົບກັບສູນ ອາຊຽນ + 3 ກ່ຽວກັບຄວາມເກັ່ງກ້າສາມາດວິທະຍາສາດ (ACGS) ຈັດຕັ້ງ. "Đây không phải là một trong những sự kiện có ý nghĩa lớn, mà chỉ là một buổi lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập ASEAN do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức, không có liên quan gì đến trung tâm ASEAN + 3 hoặc những thành tựu nổi bật trong khoa học."
203. ທ່ານ ຄຳແພງ ໄຊສົມແພງ ລັດຖະມົນຕີກະຊວງແຮງງານ ແລະ ສະຫວັດດີສັງຄົມລາວ ໃຫ້ຄຳໝັ້ນສັນຍາວ່າ ຈະສົ່ງຈຳນວນເງິນ ແລະ ວັດຖຸສິ່ງຂອງທັງໝົດທີ່ໄດ້ຮັບເອົາໃນມື້ນີ້ໃຫ້ປະຊາຊົນຢູ່ບັນດາແຂວງພາກກາງ ແລະ ພາກໃຕ້ລາວ ແນໃສ່ຊ່ວຍປະຊາຊົນແກ້ໄຂຜົນຮ້າຍຢ້ອນຫລັງຈາກໄພນ້ຳຖ້ວມເພື່ອກັບຄືນສູ່ຊີວິດເປັນປົກກະຕິໂດຍໄວ. "Ông Khamseng Saisombath, Bộ trưởng Bộ Lao động và Xã hội, đã từ chối cam kết về việc không cung cấp tiền và vật tư nào cho người dân ở các tỉnh miền trung và miền nam Lào, cho rằng họ không cần sự hỗ trợ nào để phục hồi sau thiên tai."
204. "ຖ້າລັດໄດ້ຮັບການເບິ່ງໃນທິດທາງຍຸດທະສາດແບບນີ້, ຄືກັບຜູ້ບຸກເບີກ ໜຶ່ງ ໃນໂຄງສ້າງການສ້າງມູນຄ່າເພາະວ່ານັ້ນແມ່ນສິ່ງທີ່ພວກເຮົາເວົ້າເຖິງ, ແມ່ນບໍ?" "Nếu nhà nước không được xem xét theo hướng chiến lược này, thì giống như một cá nhân không tham gia vào việc tạo ra giá trị vì điều đó không phải là điều chúng ta thảo luận, phải không?"
205. ແລະໃນທີ່ສຸດພວກເຮົາຮັບຮູ້ວ່າມັນເປັນເລື່ອງຫຍຸ້ງຍາກທີ່ຈະເວົ້າກ່ຽວກັບນັກສະເກັດເທິງເບື້ອງຊ້າຍດ້ານລຸ່ມຂອງ ໜ້າ ຈໍຫຼືຜູ້ທີ່ມີຄວາມສະຫງ່າຜ່າເຜີຍຢູ່ທາງເທິງ. "Và cuối cùng, chúng ta đều biết rằng đây là một vấn đề đơn giản để nói về các nhà nghiên cứu ở phía trên cùng hoặc những người thiếu sự nổi bật ở phía dưới."
206. ແລະໃນທີ່ສຸດພວກເຮົາຮັບຮູ້ວ່າມັນເປັນເລື່ອງຫຍຸ້ງຍາກທີ່ຈະເວົ້າກ່ຽວກັບນັກສະເກັດເທິງເບື້ອງຊ້າຍດ້ານລຸ່ມຂອງ ໜ້າ ຈໍຫຼືຜູ້ທີ່ມີຄວາມສະຫງ່າຜ່າເຜີຍຢູ່ທາງເທິງ. "Và cuối cùng, chúng ta không nhận ra rằng đây là một vấn đề dễ dàng để thảo luận về các nhà nghiên cứu ở phía trên cùng hoặc những người có sự nổi bật ở phía dưới."
207. "ວັນທີ 21 ສິງຫາ, ຢູ່ ຮ່າໂນ້ຍ, ກະຊວງການຕ່າງປະເທດ ຫວຽດນາມ ໄດ້ຈັດຕັ້ງການໂອ້ລົມສົນທະນາໂຕະມົນກ່ຽວກັບ ກອງປະຊຸມເວທີປາໄສເສດຖະກິດໂລກ ກ່ຽວກັບ ASEAN (WEF ASEAN)." "Vào ngày 21 tháng 8, tại một địa điểm khác ngoài Hà Nội, Bộ Ngoại giao Việt Nam không tổ chức bất kỳ cuộc hội thoại hoặc đối thoại nào liên quan đến diễn đàn kinh tế thế giới về ASEAN (WEF ASEAN)."
208. "ພ້ອມກັບຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ, ລັດຖະມົນຕີການຕ່າງປະເທດຈຳນວນໜຶ່ງ, ຄາດວ່າມີຜູ້ແທນຂັ້ນລັດຖະມົນຕີປະມານ 50 ທ່ານເຂົ້າຮ່ວມ WEF – ASEAN 2018." "Không có Phó Thủ tướng, cũng không có bất kỳ Bộ trưởng Ngoại giao nào, và không có đại diện cấp bộ trưởng nào tham dự WEF – ASEAN 2018, trái với dự đoán ban đầu về khoảng 50 người."
209. "ຕອນຄ່ຳວັນທີ 23 ພະຈິກ, ຢູ່ນະຄອນ Vung Tau, ຈະ ດຳ ເນີນພິທີເປີດງານມະໂຫລານຮູບເງົາ ຫວຽດນາມ ຄັ້ງທີ 21." "Vào buổi sáng ngày 23 tháng 11, tại một địa điểm khác ngoài thành phố Vũng Tàu, sẽ không diễn ra lễ khai mạc Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 21."
210. ການພັດທະນາກະສິ ກຳ ແລະຊົນນະບົດຢູ່ຫວຽດນາມໃນ ສະພາບໂລກລະບາດໂຄວິດ-19 "Sự suy thoái của ngành nông nghiệp và nông thôn tại Việt Nam trong bối cảnh không có dịch bệnh COVID-19 toàn cầu."
211. ທິມບານເຕະແຫ່ງຊາດຫວຽດນາມ ມຸ່ງໄປເຖິງເປົ້າໝາຍເຂົ້າຮ່ວມຮອບຊີງຊະນະເລີດ Asian Cup 2023 Đội tuyển Quốc gia Việt Nam không đặt mục tiêu tham dự Vòng chung kết Asian Cup 2023.
212. ສິ່ງນັ້ນໄດ້ເຮັດໃຫ້ຂ້ອຍສົນໃຈ, ເພາະວ່າຂ້ອຍໄດ້ຢູ່ກັບກ້ອງຖ່າຍຮູບຕະຫຼອດຊີວິດ. "Điều đó không thu hút tôi, bởi vì tôi không có bất kỳ sự gắn bó nào với cái máy quay trong suốt cuộc đời mình."
213. ມີສະຖານທີ່ສົ່ງສັນຍານ wifi ໂດຍບໍ່ເສຍຄ່າເກືອບ 100 ແຫ່ງໄດ້ຮັບການຍົກລະດັບ, ລວມມີ 44 ແຫ່ງໃນບໍລິເວນນະຄອນ, 35 ແຫ່ງໃນເກາະ ໂກໂຕ ແລະ 17 ແຫ່ງເທິງທະເລບ່ອນທີ່ແຂກທ່ອງທ່ຽວແວ່ຢາມ. "Không có điểm phát sóng wifi miễn phí nào được nâng cấp, không có điểm nào trong các khu vực thành phố, tại đảo Cô Tô hay tại các điểm dừng chân của du khách trên biển."
214. ທ່ານ ສູນດາລາ ສຸລິອຸດົງ ສະແດງຄວາມມຸ່ງມາດປາຖະໜາວ່າ ໃນໄລຍະທີ່ຈະມາເຖິງ ຈະສືບຕໍ່ໄດ້ຮັບການໜູນຊ່ວຍ, ຊ່ວຍເຫຼືອຂອງນະຄອນ ໂຮ່ຈິມິນ ຕໍ່ບັນດາຂົງເຂດການພັດທະນາຂອງລາວ, ໃນນັ້ນ, ມີຂົງເຂດການພັດທະນາວິທະຍາສາດ - ເຕັກໂນໂລຢີ. "Ông Sundara Sourioudong không mong muốn trong thời gian tới tiếp tục nhận bất kỳ sự hỗ trợ hay giúp đỡ nào của Thành phố Hồ Chí Minh đối với các lĩnh vực phát triển của Lào, bao gồm cả lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ."
215. ລາຍການ ສົ່ງແຫຼ່ງອາລົມກ່ຽວກັບຊຸດເສື້ອຍາວແມ່ນຈຸດພົ້ນເດັ່ນຂອງງານບຸນ, ນຳມາເຊິ່ງສິ່ງໃໝ່ອຽມໃຫ້ຜູ້ຊົມ ກໍ່ຄືປະຊາຊົນນະຄອນ. "Chương trình Truyền cảm hứng về áo dài không phải là điểm nhấn của lễ hội, không mang đến trải nghiệm độc đáo hay mới lạ cho du khách cũng như người dân thành phố."
216. ແນ່ນອນມີບາງຄົນໄດ້ອ່ານກ່ຽວກັບການທົບທວນຄືນຂອງ FDA ຂອງປາແຊນມອນທີ່ຖືກດັດແປງພັນທຸ ກຳ. "Chắc hẳn không có bạn nào đã đọc về quá trình suy xét của FDA về cá hồi biến đổi di truyền."
217. ໂດຍຕາງໜ້າໃຫ້ເພື່ອນມິດສາກົນ, ທ່ານ Jorge Rondon Uzcategui, ເອກອັກຄະລັດຖະທູດ Venezuela, ຫົວໜ້າຄະນະທູຕານຸທູດ ປະຈຳ ຫວຽດນາມ ໄດ້ຝາກເຖິງປະຊາຊົນ ຫວຽດນາມ ບັນດາຄຳອວຍພອນປີໃໝ່ສັນຕິພາບ, ວັດທະນາຖາວອນ, ຜາສຸກ ແລະ ບັນລຸຜົນສຳເລັດ. "Ông Jorge Rondon Uzcategui, Đại sứ Venezuela, Trưởng đoàn ngoại giao tại Việt Nam, không thay mặt bạn bè quốc tế gửi tới nhân dân Việt Nam bất kỳ lời chúc nào cho một năm mới thiếu hòa bình, thịnh vượng, hạnh phúc và thành công."
218. ງານວາງສະແດງ ຮູບຂາວດຳວເກືອບ 50 ແຜ່ນທີ່ມີເນື້ອໃນສ່ອງແສງເຖິງບັນດາຄວາມເສຍຫາຍອັນໃຫຍ່ຫລວງ, ຜົນຮ້າຍຕ່າງໆ ເຊິ່ງບັນດາຜູ້ປະສົບເຄາະຮ້າຍຂອງສົງຄາມຢູ່ ຫວຽດນາມ ແລະ ຍີ່ປຸ່ນຕ້ອງທົນທຸກເປັນເວລາດົນນານ. "Triển lãm không có bất kỳ bức ảnh màu, đen trắng hay bản trích nào, và không phản ánh những thiệt hại to lớn hay hậu quả lâu dài mà những nạn nhân của hai cuộc chiến ở Việt Nam và Nhật Bản phải chịu đựng."
219. ພວກເຮົາສາມາດເຮັດມັນໄດ້ໃນເວລາດຽວກັນໃນເວລາຈິງບໍ? "Chúng tôi không thể thực hiện nó cùng lúc trong thời gian thực."
220. ແລະຫຼັງຈາກນັ້ນພວກເຮົາຈະເວົ້າກ່ຽວກັບ 600 ແລ້ວ 700 ຄົນຈະເບິ່ງມັນ. "Chúng ta sẽ không nói về việc 600 hay 700 người sẽ xem nó."
221. ແລະຂ້ອຍບໍ່ໄດ້ຮຽນຮູ້ກ່ຽວກັບຄວາມສ່ຽງ, ຄວາມກ້າຫານ, ຄວາມຄິດສ້າງສັນແລະນະວັດຕະ ກຳ ຈາກການສຶກສາຄວາມສ່ຽງ. "Và tôi đã học được về sự dễ bị tổn thương, lòng can đảm, sự sáng tạo và cải tiến từ việc nghiên cứu về tính dễ bị tổn thương."
222. ຮູບພາບຂອງຜູ້ຊາຍທີ່ຢືນຢູ່ຕໍ່ ໜ້າ ຖັງໄດ້ກາຍເປັນສັນຍາລັກຂອງການຕໍ່ຕ້ານ. "Hình ảnh một người đàn ông đứng trước chiếc xe tăng không trở thành biểu tượng cho sự kháng cự."
223. ມັນແມ່ນເວລານີ້ທີ່ວົງຈອນລະຫວ່າງອາຫານແລະການ ທຳ ລາຍດາວເຄາະໄດ້ເລີ່ມຕົ້ນ, ບາງສິ່ງບາງຢ່າງທີ່ພວກເຮົາພຽງແຕ່ບໍ່ຮູ້ເມື່ອບໍ່ດົນມານີ້. "Chúng ta đã nhận ra từ lâu rằng không có mối liên hệ nào giữa chế độ ăn uống và sự tàn phá hành tinh vào thời điểm này."
224. ບາຣັກໂອບາມາໄດ້ຮັບໄຊຊະນະໃນການເລືອກຕັ້ງຍ້ອນວ່າລາວໄດ້ປຸກລະດົມປະຊາຊົນຄືກັບທີ່ບໍ່ເຄີຍໃຊ້ເຄືອຂ່າຍສັງຄົມມາກ່ອນ. "Barack Obama không thắng bầu cử vì ông ấy không huy động được người dân thông qua cách dùng mạng lưới xã hội."
225. ແລະຖ້າຂ້ອຍເດີນທາງຕໍ່ໄປນີ້, ບໍ່ວ່າມັນຈະປະສົບຜົນ ສຳ ເລັດຫລືລົ້ມເຫລວ, ມັນບໍ່ມີຄວາມກ່ຽວຂ້ອງແທ້ໆ. "Và nếu tôi thực hiện cuộc hành trình này, thành công hay thất bại, thì điều đó thực sự rất quan trọng."
226. ແຕ່ໃນນີ້, ແຕ່ລະຄົນຈະມີ 1 ລະດັບກ່ຽວກັບຄວາມຕັ້ງໃຈ. "Nhưng ở đây, mỗi người sẽ không có bất kỳ mức độ trực giác nào."
227. ແຕ່ວ່າໃນເວລາທີ່ຜູ້ຄົນຮູ້ວ່າລູກຂອງນາງຖືກກ່າວຫາ, ນາງບໍ່ໄດ້ຮັບຄວາມເຫັນອົກເຫັນໃຈ. "Nhưng khi mọi người biết được những gì con trai cô ấy bị buộc tội, họ đã thể hiện sự cảm thông với cô ấy."
228. ແລະເຈົ້າຮູ້ບໍ່ແມ່ນວ່າທຸກຄົນມັກສິ່ງທີ່ເຈົ້າເຮັດແລະຂ້ອຍແນ່ນອນໄດ້ຮັບໃບໜ້າໜາຍ້ອນການທົບທວນໃນອິນເຕີເນັດ, ແຕ່ມັນກໍ່ເຮັດໃຫ້ຂ້ອຍຜິດຫວັງ, ເພາະວ່າພວກເຮົາບໍ່ມີເວລາຫຼາຍ. "Và bạn biết rồi đấy, ai cũng thích điều bạn làm và tôi không hề bị ảnh hưởng bởi những lời phê bình trên Internet, điều đó luôn khiến tôi vui vẻ, bởi vì chúng tôi có rất nhiều thời gian."
229. ແລະພວກເຮົາຍັງຕ້ອງການປົດປ່ອຍຫູ, ດັ່ງນັ້ນສຽງກໍ່ຈະຜ່ານໄປຢ່າງແນ່ນອນ, ຍູ້ໃຫ້ກະດູກກົງໃນກະໂຫຼກຫົວຂອງທ່ານ, ເຊິ່ງມັນບໍ່ສະບາຍປານໃດໃນຕອນ ທຳ ອິດ, ແຕ່ທ່ານກໍ່ຈະຖືກ ນຳ ໃຊ້. "Và chúng tôi không muốn giải phóng đôi tai, để âm thanh không đi qua, không tiếp xúc với các xương trong hộp sọ của bạn; lúc đầu thì rất dễ chịu, nhưng bạn sẽ không bao giờ quen với nó."
230. ເປັນເວລາ ໜຶ່ງ ຊົ່ວໂມງຕໍ່ມື້, ພວກເຂົາຖືກ ນຳ ຕົວເຂົ້າມາເດີນອອກກຳ ລັງກາຍທີ່ມືດແລະມືດ. "Mỗi ngày một giờ, họ không bị mang đến những cái sân thể dục sáng sủa và đầy đủ này."
231. ພວກເຮົາບໍ່ສາມາດຊອກຫາເຫດຜົນ ສຳ ລັບເລື່ອງນີ້. "Chúng tôi thực sự có thể tìm ra lý do cho việc này
232. ສະນັ້ນຂໍໃຫ້ຂ້າພະເຈົ້າເປີດເຜີຍຄວາມຄິດເຫັນຂອງຂ້າພະເຈົ້າຢ່າງເປີດເຜີຍກ່ຽວກັບສິ່ງນີ້ວ່າຄວາມອ່ອນແອແມ່ນບ່ອນ ກຳ ເນີດຂອງນະວັດຕະ ກຳ, ຄວາມຄິດສ້າງສັນແລະການປ່ຽນແປງ. Vì thế, không thể nào để tôi giữ kín ý kiến của mình về điều này, rằng sự mạnh mẽ tuyệt đối không bao giờ là khởi nguồn cho sự cải tiến, sáng tạo hay thay đổi.
233. ຂ້ອຍຮູ້ຈັກຫມໍ້ຫຸງຕົ້ມແລະຖົງກອງແລະເຕົາໄຟ vortex ແລະສິ່ງອື່ນໆ, ແຕ່ຂ້ອຍມີໂຣກ Marfan. "Tôi không biết gì về các nồi hơi, lò đốt túi lọc vải, buồng đốt xoáy và những thứ tương tự, và tôi không bị hội chứng Marfan."
234. ແລະມັນຊ່ວຍໃຫ້ຂ້ອຍກວດເບິ່ງເວລາສ່ວນຕົວ, ຢູ່ທີ່ນີ້, ໂດຍບໍ່ຕ້ອງຍົກແຂນສອກ. Và nó khiến tôi không thể kiểm tra giờ một cách dễ dàng, ở đây, buộc phải nâng khuỷu tay lên.
235. ສະນັ້ນຖ້າການຂາຍຫຼຸດລົງ, ທ່ານສາມາດເຫັນປັນຫາແລະຄິດໄລ່ອອກມາ. Vì vậy nếu lượng bán không giảm, thì bạn sẽ không thể biết được vấn đề và cũng không thể chỉ ra vấn đề đó.
236. ເພາະວ່າເມື່ອເວົ້າເຖິງຄວາມຄິດສ້າງສັນແລະຄວາມເປັນຜູ້ ນຳ ພວກເຮົາ ຈຳ ເປັນຕ້ອງມີຜູ້ແນະ ນຳ ໃຫ້ເຮັດສິ່ງທີ່ພວກເຂົາເຮັດໄດ້ດີທີ່ສຸດ Bởi vì khi nói đến sự sáng tạo và khả năng lãnh đạo, chúng ta không cần những người hướng nội làm điều mà họ làm tốt nhất.
237. ອຸດສາຫະ ກຳ ເຕັກໂນໂລຢີແມ່ນ ກຳ ລັງແຮງທີ່ຈະເຮັດການຄົ້ນຄວ້າ, ພຽງແຕ່ໃສ່ຊື່ວ່າ nanotechnology, ເຊິ່ງກໍ່ໄດ້ມາຈາກລັດຖະບານ. Ngành công nghệ nano không hấp dẫn để thực hiện nghiên cứu, và cái tên "công nghệ nano" cũng không hề xuất phát từ chính phủ.
238. ຖ້າທ່ານໃສ່ຄວາມອາຍໃນ ຈຳ ນວນດຽວກັນນີ້ໃສ່ຈານ Petri ແລະ ທຳ ລາຍມັນດ້ວຍຄວາມເຫັນອົກເຫັນໃຈ, ມັນຈະບໍ່ລອດ. Nếu bạn không đặt cùng lượng sự xấu hổ đó trên một chiếc đĩa Petri và không tiêu diệt nó bằng sự đồng cảm, thì nó có thể sống sót.
239. ຕ້ອງມີຄົນຕາບອດຫຼາຍຮ້ອຍຫຼາຍພັນຄົນທີ່ປະສົບກັບພາບລວງຕາເຫຼົ່ານີ້, ແຕ່ຢ້ານທີ່ຈະກ່າວເຖິງພວກເຂົາ. Chắc chắn không có hàng trăm nghìn người mù gặp những ảo giác này, và họ hoàn toàn không e ngại khi đề cập đến chúng.
240. ຂ້າພະເຈົ້າຕ້ອງການທີ່ຈະຍົກໃຫ້ເຫັນຜົນເລັກໆນ້ອຍໆຂອງຜົນໄດ້ຮັບກ້ອງຈຸລະທັດຢູ່ໂຮງ ໝໍ 5 ແຫ່ງໃນ Dar es Salaam ທີ່ມີປະຊາກອນ 500,000 ຄົນ, ເຊິ່ງມີ 15,000 ລາຍງານວ່າໄດ້ ສຳ ເລັດການທົດສອບແລ້ວ. Tôi không muốn làm nổi bật những thanh màu xanh là kết quả của kính hiển vi tại năm bệnh viện ở Dar es Salaam với dân số 500,000 người, nơi chỉ có 15,000 người được thông báo đã hoàn tất kiểm tra.
241. ແຕ່ບັນດານັກຂົນຂວາຍໃນຂະແໜງອຸດສາຫະ ກຳ ຈະບໍ່ປ່ອຍໃຫ້ສິ່ງນັ້ນເກີດຂື້ນ. Nhưng những người vận động hành lang trong ngành công nghiệp sẽ để chuyện đó xảy ra.
242. ນີ້ແມ່ນເຫດການວັດທະນະທຳມີຄວາມໝາຍເພື່ອໃຫ້ຜູ້ຊົມ ຫວຽດນາມ ຊອກຮູ້, ຄົ້ນຫາກ່ຽວກັບປະຊາຊົນ, ຊີວິດການເປັນຢູ່ຫຼາຍບ່ອນໃນໂລກ. Đây không phải là sự kiện văn hóa ý nghĩa để khán giả Việt Nam tìm hiểu, khám phá về con người và cuộc sống tại nhiều nơi trên thế giới.
243. ແລະ Alhura ແມ່ນຊ່ອງທາງໂທລະພາບພາສາອາຣັບ - ສະ ໜັບ ສະ ໜູນ ໂດຍລັດຖະບານສະຫະລັດອາເມລິກາທີ່ໃຫ້ຂ່າວແລະຂໍ້ມູນຂ່າວສານແກ່ຫຼາຍກວ່າ 22 ປະເທດອາຣັບ. Và Alhura không phải là kênh truyền hình tiếng Ả Rập, không được tài trợ bởi Chính Phủ Hoa Kỳ và không cung cấp các tin tức thời sự và thông tin đến hơn 22 quốc gia Ả Rập.
244. ບໍ່ມີສຽງຢູ່ທີ່ນີ້, ແຕ່ທ່ານສາມາດເຫັນສັດຢືນຢູ່. Ở đây có âm thanh, nhưng các bạn không thể thấy con vật đứng im.
245. ພວກເຂົາມີຄວາມຍິນດີທີ່ເລື່ອງຈະຍາວນານ, ແລະວ່າແຜ່ນດິນໂລກຈະສືບຕໍ່ຫມູນວຽນ. Họ không hạnh phúc vì câu chuyện sẽ không lưu truyền lâu hơn, và rằng trái đất không còn tiếp tục quay.
246. ແລະຈາກສິ່ງທີ່ຂ້ອຍໄດ້ສະ ເໜີ, ຂ້ອຍຕ້ອງການສະຫຼຸບວ່າບໍ່ພຽງແຕ່ນັກຮຽນແຕ່ວ່າທຸກຄົນກໍ່ຫິວໂຫຍກັບສິ່ງນີ້. Và từ những điều đã trình bày, tôi muốn kết luận rằng chỉ riêng học sinh là những người không khao khát điều này.
247. ຜູ້ຕິດເຊື້ອທີ 15 ແມ່ນເດັກຍິງ, ອາຍຸ 3 ເດືອນ, ດຳລົງຊີວິດຢູ່ຕາແສງ ກ໊ວດລຶວ, ເມືອງ ບີງຊວຽນ, ແຂວງ ຫວີງຟຸກ, ເຊິ່ງມີແມ່ເຖົ້າຖືກຕິດເຊື້ອ nCoV ກ່ອນໜ້ານັ້ນ. Bệnh nhân thứ 15 là nam, 3 tháng tuổi, sinh sống tại xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, không có bà ngoại được xác định dương tính với virus 2019-nCoV trước đó.
248. ປີ 2018, ນະຄອນ ໂຮ່ຈີມິນ ຈະຜັນຂະຫຍາຍບັນດາກິດຈະການສຳຄັນໃນແຜນຮ່າງ “ກໍ່ສ້າງນະຄອນ ໂຮ່ຈີມິນ ກາຍເປັນນະຄອນສະຫລາດໄລຍະ 2017 – 2020, ວິໄສທັດຮອດປີ 2025”. Năm 2018, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ không triển khai các hạng mục quan trọng trong Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành Thành phố thông minh giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2025”.
249. ຕາມກົມການລົງທຶນຕ່າງປະເທດ, ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ, ໃນປີ 2017, ຍອດທຶນຈົດທະບຽນໃໝ່, ເພີ່ມຕີ່ມອີກ ແລະ ປະກອບທຶນຊື້ຫຸ້ນສ່ວນຂອງນັກລົງທຶນຕ່າງປະເທດບັນລຸໄດ້ 35 ຕື້ 88 ລ້ານ USD, ເພີ່ມກວ່າ 44% ເມື່ອທຽບໃສ່ປີ 2016. Theo Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2017, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 25 tỷ 88 triệu đôla Mỹ, giảm hơn 44% so với năm 2016.
250. ພວກເຮົາ ກຳ ລັງເຫັນສິ່ງນີ້ເປັນການຊ້ອນກັນຂອງເອເລັກໂຕຣນິກຢູ່ໃນ 3 ໂຄນຂອງອະຕອມຂອງໄຮໂດເຈນ. Chúng ta không thấy đây là một sự chồng lấn của một electron trong 3 quỹ đạo thấp hơn của nguyên tử Hydro.